



FROM



arkansas
health & wellness™



DANH MỤC THUỐC NĂM 2025

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1 THÁNG 1 NĂM 2025



Ambetter.ARhealthwellness.com

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc kê toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1_A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưa tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ.
RX/OTC	Thuốc theo toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên bị giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc đủ dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc thuộc nhóm opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 15 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS PO 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 PO 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 PO 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS PO 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS PO 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS PO</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>methamphetamine hcl PO</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Anorexiant Non-Amphetamine		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>phendimetrazine tartrate TABS PO</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS PO</i>	1B	PA
Anti-Obesity Agents		
<i>CONTRAVE PO</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl PO 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl PO 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12 PO</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd) PO</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
<i>SUNOSI PO 75 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>SUNOSI PO 150 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil PO</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24 PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW PO 10 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW PO 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW PO 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 PO 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 PO 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CPCR PO</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS PO 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS PO 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 PO 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 PO 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR PO 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR PO 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR PO 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil PO 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>modafinil PO 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS PO</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 2 GM/50ML, 10 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ML daily); PA
RINVOQ TB24 PO	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ XR TB24 PO	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ML daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 EA daily); SP; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 EA daily); PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
CYLTEZO (2 PEN) AJKT	4	QL(0.072 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CYLTEZO (2 PEN) AJKT	4	QL(0.215 EA daily); PA	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 EA daily); PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.215 EA daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.29 EA daily); PA
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	Gold Compounds		
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	RIDAURA PO	3	QL(3 EA daily)
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Interleukin-1 Blockers		
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
			KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA
			KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA
			Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
			<i>celecoxib PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
			<i>diclofenac potassium TABS PO 50 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diclofenac sodium TB24 PO</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC PO</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC PO</i>	1B	
<i>etodolac CAPS PO</i>	1B	
<i>etodolac TABS PO</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS PO</i>	1B	QL(4 EA daily); ST
<i>flurbiprofen TABS PO</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP PO 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS PO 800 MG</i>	1B	
<i>ibuprofen TABS PO 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>indomethacin CAPS PO 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR PO</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS PO 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS PO</i>	1B	QL(0.667 EA daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS PO</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS PO</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 EA daily); ST
<i>meloxicam TABS PO</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>nabumetone PO</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS PO 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP PO</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS PO</i>	1B	
<i>naproxen TBEC PO 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>oxaprozin TABS PO</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS PO</i>	1B	
<i>sulindac TABS PO</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tolmetin sodium CAPS PO</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS PO 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>OTEZLA TABS PO</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>OTEZLA TBPK PO</i>	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
<i>OTEZLA TBPK PO</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS PO 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS PO 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS PO 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS PO 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS PO</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 PO 32 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Salicylates			<i>hydromorphone hcl TB24 PO 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>aspirin CHEW PO</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>levorphanol tartrate TABS PO 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>aspirin TABS PO 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)
<i>aspirin TBEC PO 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TBEC PO 325 MG</i>	1A		<i>meperidine hcl TABS PO 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>diflunisal TABS PO</i>	1B		<i>methadone hcl CONC PO</i>	0	QL(10 ML daily)
<i>salsalate PO</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN PO</i>	0	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>METHADONE HCL SOLN IJ</i>	0	
Opioid Agonists			<i>methadone hcl TABS PO 5 MG</i>	0	QL(4 EA daily)
<i>codeine sulfate TABS PO 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS PO 10 MG</i>	0	QL(10 EA daily)
<i>CODEINE SULFATE TABS PO</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TBSO PO</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>morphine sulfate CP24 PO 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 EA daily)	<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)
<i>hydrocodone bitartrate CP12 PO</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl LIQD PO</i>	1B	New starts limited to 7 day supply			
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B				
<i>hydromorphone hcl TABS PO</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>morphine sulfate TABS PO</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS PO 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>morphine sulfate TBCR PO</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS PO 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>oxycodone hcl T12A PO 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS PO 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl TABS PO</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine PO 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TABS PO</i>	1B	QL(12 EA daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine PO 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 PO 40 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod PO</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN PO 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
SUBSYS LIQD 1200 MCG, 1600 MCG, 800 MCG	3	QL(8 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN PO 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS PO 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS PO</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>tramadol hcl TABS PO 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>tramadol hcl TB24 PO</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen PO 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
Opioid Combinations					
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN PO</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS PO 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS PO 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone-ibuprofen PO 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS PO 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol-acetaminophen PO</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ML daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl PO</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
SUBLOCADE SOSY	3	
ZUBSOLV SUBL	3	
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxandrolone PO</i>	1B	
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 EA daily); PA
<i>danazol CAPS PO</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 GM daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal) PR</i>	1B	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal) PR</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal) PR</i>	1B	
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole PO</i>	1B	PA
EMVERM CHEW PO	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ivermectin PO</i>	1B	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel PO</i>	1B	PA

ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain

Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 PO 1000 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ranolazine TB12 PO 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS PO 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS PO</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24 PO</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPR PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	

ANTIANSXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety

Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl PO 5 MG</i>	1A	
<i>buspirone hcl PO 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP PO</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS PO</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS PO</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>meprobamate PO</i>	1B	QL(6 EA daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS PO 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS PO 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24 PO</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP PO</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS PO</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS PO</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS PO</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC PO</i>	1B	
<i>lorazepam TABS PO 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam TABS PO 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>oxazepam CAPS PO</i>	1B	

ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms

Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS PO</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS PO</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl PO</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate PO</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12 PO</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS PO</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS PO</i>	1B	
<i>dofetilide PO</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ML daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 EA daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ML daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ML daily); PA
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ML daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 EA daily; 30 EA per 30 day(s) retail); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.286 ML daily; 30 ML per 30 day(s) retail); PA
XOLAIR SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ML daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>zafirlukast PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12 PO</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast PO</i>	3	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
ARNUITY ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 GM daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
QVAR REDHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Sympathomimetics		
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1B	QL(15 ML daily)
<i>albuterol sulfate SYRP PO</i>	1B	
<i>albuterol sulfate TABS PO</i>	1B	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ML daily)
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 GM daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
DULERA	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ML daily)
<i>levabuterol hcl</i>	1B	QL(12 ML daily)
<i>levabuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>levabuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 GM daily)
SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
<i>terbutaline sulfate TABS PO</i>	1B	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)
Xanthines		
<i>aminophylline SOLN</i>	1B	
<i>theophylline ELIX PO</i>	1B	
<i>theophylline SOLN PO</i>	1B	QL(56 ML daily)
<i>theophylline TB12 PO</i>	1B	
<i>theophylline TB24 PO</i>	1B	

ANTICOAGULANTS - Blood Thinners

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS PO</i>	1B	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 EA daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail); SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
HEPARIN (PORCINE) IN NAACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS PO</i>	1B	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 EA daily); PA
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 EA daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 EA daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 EA daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ML daily); PA
<i>clobazam TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>clonazepam TABS PO</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL PR</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail	DIACOMIT CAPS	4	QL(12 EA daily); PA
NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	EPIDIOLEX	3	PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin CAPS PO</i>	1B	
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin SOLN PO</i>	1B	QL(60 ML daily)
Anticonvulsants - Misc.			<i>gabapentin TABS PO 600 MG, 800 MG</i>	1B	
APTIOM	3	QL(2 EA daily); ST	<i>lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	1B	QL(40 ML daily)
BANZEL TABS PO 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 EA daily); PA	<i>lacosamide TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
BANZEL TABS PO 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 EA daily); PA	LAMICTAL TABS PO 150 MG, 200 MG (<i>lamotrigine</i>)	3	
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA	<i>lamotrigine CHEW PO 25 MG</i>	1B	QL(20 EA daily)
BRIVIACT TABS	3	QL(2 EA daily); PA	<i>lamotrigine CHEW PO 5 MG</i>	1B	QL(100 EA daily)
<i>carbamazepine CHEW PO 100 MG</i>	1B		<i>lamotrigine TABS PO</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 PO 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>lamotrigine TBDP PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 PO 100 MG</i>	1B		<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>carbamazepine CP12 PO 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>levetiracetam TABS PO 1000 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>carbamazepine SUSP PO</i>	1B		<i>levetiracetam TABS PO 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>carbamazepine TABS PO</i>	1B		<i>levetiracetam TABS PO 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 PO 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>levetiracetam TB24 PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 PO 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>oxcarbazepine SUSP PO</i>	1B	QL(40 ML daily)
			<i>oxcarbazepine TABS PO 600 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
			<i>oxcarbazepine TABS PO 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
			<i>pregabalin CAPS PO 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin CAPS PO 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA	DILANTIN PO (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ML daily); PA	DILANTIN PO	2	
<i>primidone PO 50 MG, 250 MG</i>	1B		DILANTIN INFATABS CHEW PO (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ML daily); PA	DILANTIN-125 SUSP PO (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>rufinamide TABS PO 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	DILANTIN SUSP PO (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>rufinamide TABS PO 400 MG</i>	1B	QL(8 EA daily); PA	<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
TEGRETOL SUSP PO (<i>carbamazepine</i>)	2		<i>phenytoin sodium extended PO 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
TEGRETOL TABS PO (<i>carbamazepine</i>)	2		<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>topiramate CPSP PO 15 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>phenytoin CHEW PO</i>	1B	
<i>topiramate CPSP PO 25 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)	<i>phenytoin SUSP PO</i>	1B	
<i>topiramate CS24 PO</i>	3	PA	Succinimides		
<i>topiramate TABS PO 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>ethosuximide CAPS PO</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>topiramate TABS PO 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>ethosuximide SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>topiramate TABS PO 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>zonisamide CAPS PO</i>	1B	QL(6 EA daily)	ZARONTIN CAPS PO (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 EA daily)
Carbamates			Valproic Acid		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ML daily)	<i>divalproex sodium TB24 PO</i>	1B	
<i>felbamate TABS PO 600 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>divalproex sodium TBEC PO</i>	1B	
<i>felbamate TABS PO 400 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)	<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
GABA Modulators			<i>valproic acid CAPS PO</i>	1B	
<i>tiagabine hcl PO</i>	1B		ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	<i>mirtazapine TABS PO 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Hydantoins			<i>mirtazapine TABS PO 15 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
			<i>mirtazapine TABS PO 30 MG</i>	1B	QL(1.5 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mirtazapine TBDP PO 15 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>escitalopram oxalate SOLN PO</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>mirtazapine TBDP PO 30 MG</i>	1B	QL(1.5 EA daily)	<i>escitalopram oxalate TABS PO 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>mirtazapine TBDP PO 45 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>escitalopram oxalate TABS PO 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antidepressants - Misc.			<i>escitalopram oxalate TABS PO 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>bupropion hcl TABS PO</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS PO 10 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>bupropion hcl TB12 PO 150 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS PO 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>bupropion hcl TB12 PO 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS PO 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>bupropion hcl TB12 PO 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>fluoxetine hcl CPDR PO</i>	1B	
<i>bupropion hcl TB24 PO 150 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>fluoxetine hcl SOLN PO</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>bupropion hcl TB24 PO 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>fluoxetine hcl TABS PO 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)			<i>fluoxetine hcl TABS PO 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
EMSAM	3	QL(1 EA daily)	<i>fluvoxamine maleate TABS PO 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
MARPLAN PO	2	QL(6 EA daily)	<i>fluvoxamine maleate TABS PO 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>phenelzine sulfate PO</i>	1B		<i>paroxetine hcl SUSP PO</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>tranylcypromine sulfate PO</i>	1B		<i>paroxetine hcl TABS PO 40 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists			<i>paroxetine hcl TABS PO 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA	<i>paroxetine hcl TABS PO 10 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA	<i>paroxetine hcl TABS PO 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)			<i>paroxetine hcl TB24 PO 12.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>citalopram hydrobromide SOLN PO</i>	1B	QL(20 ML daily)	<i>paroxetine hcl TB24 PO 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS PO 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>sertraline hcl CONC PO</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS PO 40 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>sertraline hcl TABS PO 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS PO 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sertraline hcl TABS PO 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>desipramine hcl TABS PO</i>	1B	
Serotonin Modulators			<i>doxepin hcl CAPS PO</i>	1B	
<i>nefazodone hcl PO</i>	1B		<i>doxepin hcl CONC PO</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS PO</i>	1B		<i>imipramine hcl TABS PO</i>	1B	
TRINTELLIX PO	3	QL(1 EA daily); PA	<i>imipramine pamoate PO</i>	1B	
VIIBRYD STARTER PACK KIT PO	3	1 package(s) per 180 day(s) retail	<i>nortriptyline hcl CAPS PO</i>	1B	
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>nortriptyline hcl SOLN PO</i>	1B	
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)			<i>protriptyline hcl PO</i>	1B	
<i>desvenlafaxine succinate PO 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>trimipramine maleate CAPS PO</i>	1B	
<i>desvenlafaxine succinate PO 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
<i>duloxetine hcl CPEP PO 40 MG</i>	1B		Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>duloxetine hcl CPEP PO 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>acarbose PO</i>	1B	QL(3 EA daily)
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA	<i>miglitol PO</i>	1B	QL(3 EA daily)
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA	Antidiabetic Combinations		
<i>venlafaxine hcl CP24 PO 37.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24 PO 75 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)	<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24 PO 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl TABS PO</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl PO 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 PO 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl PO 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 PO 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>glipizide-metformin hcl PO 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Tricyclic Agents			<i>glipizide-metformin hcl PO 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>amitriptyline hcl TABS PO</i>	1B		<i>glyburide-metformin PO 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>amoxapine PO</i>	1B		<i>glyburide-metformin PO 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>clomipramine hcl PO</i>	1B		GLYXAMBI PO	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
JANUMET XR TB24 PO 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)
JANUMET XR TB24 PO 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)
JANUMET TABS PO	2	QL(2 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl PO 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl PO 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR PO 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR PO (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR PO 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
XIGDUO XR PO (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)
XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Biguanides		
<i>metformin hcl TABS PO 500 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>metformin hcl TABS PO 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 EA daily)
<i>metformin hcl TABS PO 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>metformin hcl TB24 PO 750 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>metformin hcl TB24 PO 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 EA daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 EA daily)
JANUVIA PO	2	QL(1 EA daily)
<i>saxagliptin hcl PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
Incretin Mimetic Agents		
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
RYBELSUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA
VICTOZA (<i>liraglutide</i>)	2	QL(0.3 ML daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ML daily)	Inhibitors		
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ML daily)	<i>dapagliflozin propanediol PO</i>	2	QL(1 EA daily)
INSULIN ASP PROT & ASP FLEXPEN SUPN	1B		FARXIGA PO (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B		JARDIANCE PO	2	QL(1 EA daily)
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B		Sulfonylureas		
INSULIN ASPART PROT & ASPART SUSP	1B		<i>glimepiride PO 4 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B		<i>glimepiride PO 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2		<i>glipizide TABS PO 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2		<i>glipizide TB24 PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2		<i>glyburide micronized PO 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
NOVOLIN 70/30 SUSP	2		<i>glyburide TABS PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2		ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
NOVOLIN N SUSP	2		Antiperistaltic Agents		
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2		<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD PO</i>	1B	
NOVOLIN R SOLN IJ	2		<i>diphenoxylate w/ atropine TABS PO</i>	1B	
REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA	<i>loperamide hcl CAPS PO</i>	1B	RX/OTC
SEMGLEE (YFGN) SOLN	2		MOTOFEN PO	3	
SEMGLEE (YFGN) SOPN	2		ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Insulin Sensitizing Agents			Antidotes - Chelating Agents		
<i>pioglitazone hcl PO</i>	1B	QL(1 EA daily)	CHEMET PO	3	
Meglitinide Analogues			<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>nateglinide PO</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>deferasirox TABS PO</i>	4	SP; PA
<i>repaglinide PO 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>repaglinide PO 2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)	Antidotes and Specific Antagonists		
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2)			VISTOGARD	4	PA
			Opioid Antagonists		
			KLOXXADO LIQD	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	0	
<i>naltrexone hcl PO</i>	0	
VIVITROL	3	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS PO 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS PO</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ML daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS PO 24 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)
<i>ondansetron hcl TABS PO 8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS PO 4 MG</i>	1B	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP PO 4 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ondansetron TBDP PO 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS PO 25 MG</i>	1B	RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>meclizine hcl TABS PO 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS PO</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO PO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC PO</i>	1B	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS PO</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS PO 80 MG</i>	1B	QL(0.134 EA daily); PA
<i>aprepitant CAPS PO</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS PO 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 EA daily); PA
<i>aprepitant MISC PO</i>	1B	PA
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK PO	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine PO</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP PO</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS PO</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>griseofulvin ultramicrosize PO</i>	1B	
<i>nystatin TABS PO</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
Imidazole-Related Antifungals		
<i>CRESEMBA CAPS 186 MG</i>	3	PA
<i>fluconazole SUSR PO</i>	1B	
<i>fluconazole TABS PO</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS PO</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ML daily); PA
<i>ketoconazole PO</i>	1B	
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)
<i>TOLSURA CAPS PO</i>	4	PA
<i>voriconazole TABS PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN PO</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS PO 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP PO</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS PO 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS PO 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX PO 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD PO 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
Antihistamines - Non-Sedating		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cetirizine hcl TABS PO</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>desloratadine TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>desloratadine TBDP PO 2.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN PO</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS PO</i>	1B	
<i>loratadine CHEW PO</i>	1B	
<i>loratadine SOLN PO</i>	1B	
<i>loratadine TABS PO</i>	1A	
<i>loratadine TBDP PO</i>	1B	
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SOLN PO 6.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP PR 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>promethazine hcl SUPP PR 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl TABS PO</i>	1B	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP PO</i>	1B	
<i>cyproheptadine hcl TABS PO</i>	1B	
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
Bile Acid Sequestrants		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cholestyramine light PACK PO</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine light POWD PO</i>	1B	QL(24 GM daily)
<i>cholestyramine PACK PO</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine POWD PO</i>	1B	QL(25.2 GM daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS PO</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>colestipol hcl GRAN PO</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>colestipol hcl PACK PO</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>colestipol hcl TABS PO</i>	1B	QL(16 EA daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized PO 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate TABS PO 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>gemfibrozil TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS PO 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS PO 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lovastatin TABS PO 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 EA daily); PV
<i>lovastatin TABS PO 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 EA daily); PV
<i>pravastatin sodium PO</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rosuvastatin calcium TABS PO</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>simvastatin TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
<i>REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT</i>	4	QL(0.25 ML daily); PA
<i>REPATHA SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.0714 ML daily); PA
<i>REPATHA SOSY</i>	4	QL(0.0714 ML daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl PO</i>	1B	
<i>captopril PO 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>captopril PO 12.5 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate TABS PO</i>	1B	
<i>fosinopril sodium PO</i>	1B	
<i>lisinopril TABS PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine PO 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine PO 4 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl PO 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quinapril hcl PO 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>ramipril CAPS PO</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trandolapril PO 4 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>benazepril & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril PO 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>benazepril & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
Agents for Pheochromocytoma			<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>phenoxybenzamine hcl PO</i>	3	PA	<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide PO</i>	1B	
Angiotensin II Receptor Antagonists			<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>candesartan cilexetil PO</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide PO 25 MG-10 MG</i>	1B	
EDARBI PO	3	QL(1 EA daily); ST	<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>irbesartan PO</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>irbesartan-hydrochlorothiazide PO</i>	1B	
<i>losartan potassium PO</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lisinopril & hydrochlorothiazide PO</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil PO</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan PO</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>valsartan TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antiadrenergic Antihypertensives			<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>clonidine hcl TABS PO</i>	1B	QL(8 EA daily)	<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide PO</i>	1B	ST
<i>clonidine PTWK</i>	3	QL(0.15 EA daily)	<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide PO</i>	1B	
<i>doxazosin mesylate PO</i>	1B				
<i>guanfacine hcl PO</i>	1B				
<i>methyldopa TABS PO</i>	1B	QL(6 EA daily)			
<i>prazosin hcl CAPS PO</i>	1B	QL(4 EA daily)			
<i>terazosin hcl PO</i>	1B				
Antihypertensive Combinations					
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl PO</i>	1B				
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil PO</i>	1B	ST			
<i>amlodipine besylate-valsartan PO</i>	1B	QL(1 EA daily)			
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide PO</i>	3				
<i>atenolol & chlorthalidone PO</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quinapril-hydrochlorothiazide PO 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>telmisartan-amlodipine PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl PO 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl PO 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihypertensives - Misc.		
<i>VECAMYL PO</i>	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone PO</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS PO</i>	1B	
<i>minoxidil PO 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
<i>IMPAVIDO</i>	3	QL(3 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metronidazole TABS PO</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS PO</i>	1B	
<i>XIFAXAN PO 550 MG</i>	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>XIFAXAN PO 200 MG</i>	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP PO</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS PO</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
<i>ALINIA SUSR PO</i>	2	PA
<i>atovaquone PO</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS PO</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS PO</i>	1B	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ML per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone PO</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl PO</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride PO</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate PO</i>	1B	
<i>nitrofurantoin PO</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal PO 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro PO</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl PO</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS PO 500 MG</i>	1B	
<i>chloroquine phosphate TABS PO 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate PO 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate PO 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate PO 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mefloquine hcl PO</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS PO</i>	3	
<i>pyrimethamine PO</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS PO 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS PO 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR PO</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS PO</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP PO</i>	1B	
<i>isoniazid TABS PO</i>	1B	
PRIFTIN PO	3	
<i>pyrazinamide PO</i>	1B	
<i>rifabutin PO</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS PO</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SIRTURO	3	PA
TRECTOR PO	3	QL(4 EA daily)
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE PO 40 MG, 100 MG	4	PA
GLEOSTINE PO 10 MG	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN PO	4	SP; PA
<i>melphalan PO</i>	1B	
<i>melphalan hcl IV</i>	1B	
MYLERAN TABS PO	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	SP; PA
<i>temozolomide CAPS PO</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA
Antimetabolites		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine PO</i>	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA	LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Antibodies		
<i>mercaptopurine TABS PO</i>	1B		ADCETRIS	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		ARZERRA	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	RUXIENCE	4	PA
<i>methotrexate sodium TABS PO 2.5 MG</i>	1B	SP	TRUXIMA	4	PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	YERVOY	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	KANJINTI	4	PA
TABLOID PO	4	SP; PA	OGIVRI	4	PA
TREXALL TABS PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA	PERJETA	4	SP; PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors			TRAZIMERA	4	PA
INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA	TUKYSA	4	PA
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	ERBITUX	4	SP; PA
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	TAGRISO 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	TAGRISO 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors			VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA
DAURISMO	4	PA	VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA
ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA	Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
ODOMZO PO	4	QL(1 EA daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA	<i>tamoxifen citrate TABS PO</i>	0	
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	<i>toremifene citrate PO</i>	1B	
<i>anastrozole PO</i>	1B	QL(1 EA daily)	TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
<i>bicalutamide PO</i>	1B	QL(1 EA daily); SP	XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA	XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA
EMCYT PO	4	SP; PA	YONSA	4	QL(4 EA daily); PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); SP; PA
<i>exemestane PO</i>	4	QL(1 EA daily); SP	Antineoplastic - Immunomodulators		
FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA	POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA
FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA	Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
<i>flutamide PO</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	AYVAKIT	4	QL(1 EA daily); PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); SP; PA	Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
<i>letrozole PO</i>	1B		XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) PO 50 MG	4	PA
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA	XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY) PO 40 MG	4	PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) PO 40 MG	4	PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA	XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) PO 60 MG	4	PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); SP; PA	XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY) PO	4	PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA	XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) PO 40 MG	4	PA
LYSODREN PO	4	SP; PA	XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) PO	4	PA
<i>megestrol acetate SUSP PO</i>	1B		Antineoplastic Antibiotics		
<i>megestrol acetate TABS PO</i>	1B		<i>bleomycin sulfata 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>nilutamide PO</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
ORGOVYX	4	PA	<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA	CAPRELSA PO	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	COPIKTRA PO	4	PA
<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
Antineoplastic Combinations			IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA	ICLUSIG PO	4	QL(1 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA	<i>imatinib mesylate PO</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 EA daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 EA daily); PA	IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 EA daily); PA
ALUNBRIG TABS PO	4	QL(1 EA daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ML daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 EA daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 EA daily); PA
BALVERSA	4	PA	INREBIC	4	PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	JAKAFI	4	QL(2 EA daily); SP; PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 EA daily); PA	KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 EA daily); SP; PA	KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
BRAFTOVI PO 75 MG	4	QL(6 EA daily); SP; PA	KOSELUGO	4	PA
BRUKINSA	4	PA	KYPROLIS	4	PA
CABOMETYX TABS PO	4	QL(1 EA daily); PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
CALQUENCE	4	QL(2 EA daily); PA	LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 EA daily); PA	LYNPARZA TABS PO	4	QL(4 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MEKINIST TABS PO 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA	TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 EA daily); SP; PA
MEKINIST TABS PO 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA	TASIGNA 50 MG	4	QL(4 EA daily); PA
MEKTOVI	4	QL(6 EA daily); SP; PA	TAZVERIK	4	PA
NINLARO	4	QL(0.143 EA daily); PA	<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	TIBSOVO	4	PA
PEMAZYRE	4	QL(1 EA daily); PA	TURALIO PO	4	PA
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	TURALIO PO	4	PA
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	VITRAKVI CAPS PO	4	PA
QINLOCK	4	PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
RETEVMO CAPS	4	PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	XOSPATA	4	PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	ZEJULA CAPS PO	4	QL(3 EA daily); PA
RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA	ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 EA daily); PA
SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 EA daily); PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 EA daily); PA
SCEMBLIX 20 MG, 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA	ZELBORAF PO	4	QL(8 EA daily); SP; PA
<i>sorafenib tosylate PO</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
SPRYCEL (<i>dasatinib</i>)	4	QL(1 EA daily); SP; PA	ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA
STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA	Antineoplastic Enzymes		
<i>sunitinib malate PO 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	ONCASPAR	4	SP; PA
<i>sunitinib malate PO 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	Antineoplastics Misc.		
TABRECTA	4	PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
TAFINLAR CAPS PO	4	QL(4 EA daily); PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	<i>bexarotene PO</i>	4	SP; PA
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
			<i>hydroxyurea PO</i>	1B	
			MATULANE PO	4	SP; PA
			NIPENT	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PHOTOFRIN	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA
SYNRIBO	4	SP; PA
<i>tretinoin (chemotherapy) PO</i>	1B	
UVADEX	4	SP; PA
Chemotherapy Adjuncts		
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
<i>leucovorin calcium TABS PO</i>	1B	
<i>leucovorin calcium TABS PO</i>	1B	
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS PO</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
HALAVEN (<i>eribulin mesylate</i>)	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HYCAMTIN CAPS PO	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa PO</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	
<i>benztropine mesylate TABS PO</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS PO</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone PO</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>tolcapone PO</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS PO</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS PO</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS PO</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS PO 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone PO</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS PO</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR PO</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP PO</i>	1B	
NEUPRO	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pramipexole dihydrochloride TABS PO 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS PO 0.125 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ropinirole hydrochloride TABS PO</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 PO 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 PO 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate PO</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS PO</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS PO</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium PO</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS PO</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS PO</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR PO</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
<i>EQUETRO PO</i>	3	
<i>lurasidone hcl PO 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lurasidone hcl PO 80 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ziprasidone hcl PO</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
<i>FANAPT PO</i>	2	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>FANAPT TITRATION PACK PO</i>	2	
<i>paliperidone PO 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>paliperidone PO 6 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>PERSERIS PRSY</i>	2	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone SOLN PO</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>risperidone TABS PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>risperidone TBDP PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ML daily)
<i>haloperidol lactate CONC PO</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS PO</i>	1B	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>clozapine TABS PO</i>	1B	
<i>clozapine TBDP PO 25 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>clozapine TBDP PO 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>clozapine TBDP PO 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>loxapine succinate PO</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 EA daily)
<i>olanzapine TABS PO 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>olanzapine TABS PO 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TBDP PO 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>olanzapine TBDP PO 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	Antiretrovirals		
<i>quetiapine fumarate TABS PO 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); AL(At least 10 yrs old)	<i>abacavir sulfate-lamivudine PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TABS PO 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 10 yrs old)	<i>abacavir sulfate SOLN PO</i>	1B	QL(32 ML daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 PO 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>abacavir sulfate TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 PO 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	APTIVUS CAPS	3	QL(4 EA daily)
Phenothiazines			<i>atazanavir sulfate CAPS PO 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3		<i>atazanavir sulfate CAPS PO 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>chlorpromazine hcl TABS PO</i>	1B		BIKTARVY	3	QL(1 EA daily)
<i>fluphenazine hcl CONC PO</i>	1B		CIMDUO	3	QL(1 EA daily); ST
<i>fluphenazine hcl ELIX PO</i>	1B		COMPLERA	3	QL(1 EA daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B		<i>darunavir TABS 600 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>fluphenazine hcl TABS PO</i>	1B		<i>darunavir TABS 800 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>perphenazine TABS PO</i>	1B		DELSTRIGO	3	QL(1 EA daily)
<i>prochlorperazine PR</i>	1B		DOVATO	3	QL(1 EA daily)
<i>prochlorperazine maleate TABS PO</i>	1B		EDURANT	3	QL(1 EA daily)
<i>thioridazine hcl PO</i>	1B		<i>efavirenz CAPS PO 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>trifluoperazine hcl TABS PO</i>	1B		<i>efavirenz CAPS PO 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
Quinolinone Derivatives			<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>aripiprazole TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>efavirenz TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
REXULTI	3	PA	<i>emtricitabine CAPS PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
Thioxanthenes			<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>thiothixene PO</i>	1B		<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections			EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>etravirine PO 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>etravirine PO 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
EVOTAZ	3	QL(1 EA daily)
<i>fosamprenavir calcium TABS PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
FUZEON SOLR	4	SP; PA
GENVOYA	3	QL(1 EA daily)
INTELENCE PO 25 MG	3	QL(8 EA daily)
ISENTRESS HD TABS PO	3	QL(2 EA daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 EA daily)
ISENTRESS TABS PO	3	QL(2 EA daily)
JULUCA	3	QL(1 EA daily)
<i>lamivudine SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>lamivudine TABS PO 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lamivudine TABS PO 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lamivudine-zidovudine PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
LEXIVA SUSP PO	3	QL(56 ML daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN PO</i>	1B	QL(12.5 ML daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>maraviroc TABS PO 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>maraviroc TABS PO 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nevirapine SUSP PO</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>nevirapine TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>nevirapine TB24 PO 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>nevirapine TB24 PO 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
NORVIR CAPS PO	2	QL(12 EA daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NORVIR SOLN	3	QL(15 ML daily)
ODEFSEY	3	QL(1 EA daily)
PIFELTRO	3	QL(1 EA daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ML daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)
RETROVIR SOLN	3	
<i>ritonavir TABS PO</i>	1B	QL(12 EA daily)
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)
SELZENTRY TABS PO 25 MG, 75 MG	3	QL(2 EA daily)
<i>stavudine CAPS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
STRIBILD	3	QL(1 EA daily)
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS PO</i>	1B	
TIVICAY TABS	3	QL(2 EA daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 EA daily)
TRIZIVIR PO	3	QL(2 EA daily)
TYBOST	3	QL(1 EA daily)
VIRACEPT TABS PO 250 MG	3	QL(10 EA daily)
VIRACEPT TABS PO 625 MG	3	QL(4 EA daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 GM daily)
VIREAD TABS PO 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>zidovudine CAPS PO</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>zidovudine SYRP PO</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>zidovudine TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
CMV Agents		
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS PO</i>	1B	QL(4 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil PO</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>entecavir TABS PO</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ML daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv) TABS PO</i>	1B	QL(3 EA daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS PO</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS PO 200 MG</i>	1B	QL(7 EA daily)
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	1B	QL(1 EA daily); PA
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS PO</i>	1A	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP PO</i>	1B	QL(13.34 ML daily)
<i>acyclovir TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>famciclovir PO 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>famciclovir PO 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl PO 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl PO 500 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Influenza Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oseltamivir phosphate CAPS PO</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR PO</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol PO</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate PO</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS PO 300 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>labetalol hcl TABS PO 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS PO</i>	1B	
<i>atenolol TABS PO</i>	1B	
<i>betaxolol hcl PO</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate PO</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 PO 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 PO 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol tartrate TABS PO 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nebivolol hcl PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>nebivolol hcl PO 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
Beta Blockers Non-Selective		
<i>HEMANGEOL SOLN PO</i>	4	QL(75 ML daily); PA
<i>nadolol TABS PO 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS PO 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>nadolol TABS PO 40 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>pindolol TABS PO</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24 PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS PO</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/af) PO</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS PO 240 MG</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS PO 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>timolol maleate TABS PO</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS PO</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 PO 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 PO 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads PO</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12 PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl CP24 PO</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TABS PO</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine PO</i>	1B	
<i>isradipine CAPS PO</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS PO</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS PO 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS PO 20 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>nifedipine TB24 PO</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 PO 90 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>nifedipine TB24 PO 60 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>nimodipine CAPS PO</i>	1B	
<i>nisoldipine PO</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 PO 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 PO 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS PO</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR PO</i>	1B	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS PO 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LANOXIN TABS PO 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl PO</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>avanafil PO</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>sildenafil citrate PO</i>	1B	QL(0.1334 EA daily); PA
STENDRA PO 50 MG, 100 MG, 200 MG (<i>avanafil</i>)	3	QL(0.134 EA daily)
<i>tadalafil PO 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan PO</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
OPSUMIT	4	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRACLEER TBSO	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS PO</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS PO</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS PO	4	QL(3 EA daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
<i>ivabradine hcl TABS PO</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 EA daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 EA daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS PO</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR PO</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS PO</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS PO</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR PO</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS PO</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR PO 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR PO</i>	1B	
<i>cefprozil TABS PO</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS PO</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir CAPS PO</i>	1B	
<i>cefdinir SUSR PO</i>	1B	
<i>cefixime CAPS PO</i>	1B	
<i>cefixime SUSR PO</i>	1B	ST
<i>cefpodoxime proxetil SUSR PO</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil TABS PO</i>	1B	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A	
Cephalosporins - 4th Generation		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	
Cephalosporins - 5th Generation		
TEFLARO	3	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
Combination Contraceptives - Oral		
<i>desogestrel & ethinyl estradiol PO</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) PO</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) PO</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol PO</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium PO</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad PO</i>	0	
FEMLYV TBDP	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS PO</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) PO</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) PO 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) PO</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron PO</i>	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0	
NATAZIA	0	
NEXTSTELLIS	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW PO</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norethin acet & estrad-fe TABS PO 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)
<i>norethindrone & eth estradiol PO</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ML per 90 day(s) retail)
<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe PO</i>	0		Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone acet & eth estra TABS PO</i>	0		<i>norethindrone (contraceptive) PO</i>	0	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe PO</i>	0		OPILL PO	0	
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic) PO</i>	0		SLYND PO	0	QL(1 EA daily)
<i>norgestimate-ethinyl estradiol PO</i>	0		CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic) PO</i>	0		Glucocorticosteroids		
<i>norgestrel & ethinyl estradiol PO 30 MCG-0.3 MG</i>	0		<i>budesonide CPEP PO</i>	1B	QL(3 EA daily)
TYBLUME CHEW	0		<i>deflazacort SUSP PO</i>	4	PA
Combination Contraceptives - Transdermal			<i>deflazacort TABS PO</i>	4	PA
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0		DEPO-MEDROL SUSP	3	
TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail)	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
Combination Contraceptives - Vaginal			<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	
ANNOVERA	0		<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)	<i>dexamethasone ELIX PO</i>	1B	
Emergency Contraceptives			<i>dexamethasone SOLN PO</i>	1B	
ELLA PO	0		<i>dexamethasone TABS PO 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
<i>levonorgestrel (emergency oc) PO 1.5 MG</i>	0		<i>dexamethasone TABS PO 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
Progestin Contraceptives - Injectable			EMFLAZA SUSP PO (<i>deflazacort</i>)	4	PA
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
			<i>hydrocortisone TABS PO</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MEDROL TABS PO	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS PO</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPk PO</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN PO 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBPk PO</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS PO</i>	1B	
<i>prednisone SOLN PO</i>	1B	
<i>prednisone TABS PO 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TABS PO 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TBPk PO</i>	1B	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-CORTEF (<i>hydrocortisone sod succinate</i>)	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS PO</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benzonatate PO 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>benzonatate PO 100 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>benzonatate PO 150 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER PO</i>	1B	
TUZISTRA XR PO	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST; RX/OTC
AZELEX	3	QL(50 GM per 30 day(s) retail; 50 GM per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 GM daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin PO 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin calcium (topical)</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 GM daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 GM daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ML daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 GM daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>tavaborole</i>	1B	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
			STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); SP; PA
			<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 GM daily)
			TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
			TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
			TREMFYA SOLN	4	QL(0.72 ML daily); PA
			TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
			TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
Antipsoriatics					
<i>acitretin PO 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)			
<i>acitretin PO 25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)			
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 GM daily); PA			
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 GM daily); PA			
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); PA			
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 GM daily)			
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA			
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA			
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA			
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA			
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA			
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA			
<i>methoxsalen rapid PO</i>	1B	QL(4 EA daily)			
SKYRIZI (150 MG DOSE) PSKT	4	QL(0.025 EA daily); PA			
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA			
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA			
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA			
			Antiseborrheic Products		
			<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
			Antivirals - Topical		
			<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
			<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
			<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)
			Burn Products		
			<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
			<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 GM daily)
			SULFAMYLLON CREA	3	
			Corticosteroids - Topical		
			<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
			<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 GM daily); PA
			<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 GM daily); ST
			<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily); ST
<i>amcinonide LOTN</i>	3		<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
<i>amcinonide OINT</i>	3		<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ML daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B		CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 GM daily)	<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(6 GM daily)	<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA	<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ML daily)
			<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
			<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily)
			<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	
			<i>fluocinonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)
			<i>fluocinonide GEL</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluocinonide OINT</i>	1B		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ML daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(3.34 ML daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)	Eczema Agents		
<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ML daily); PA
HALOG OINT	3	PA	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B		Emollients		
<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC	<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	Enzymes - Topical		
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)	SANTYL OINT	3	PA
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B		Immunomodulating Agents - Topical		
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B		<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)	Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)			
<i>prednicarbate OINT</i>	1B				
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 GM daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
SYNERA PTCH	3	QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>lindane SHAM</i>	1B	
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
Wound Care Products		
REGRANEX	3	QL(0.5 GM daily)
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1B	
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1B	
KETONE TEST STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1B	
PRECISION XTRA KETONE	1B	
RELION KETONE TEST STRP	1B	
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Digestive Enzymes		
CREON CPEP PO	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP PO 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP PO 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12 PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>acetazolamide TABS PO 125 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>acetazolamide TABS PO 250 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dichlorphenamide PO</i>	4	QL(4 EA daily); PA
<i>methazolamide TABS PO</i>	1B	QL(6 EA daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide PO</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide PO</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS PO 25 MG-37.5 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS PO</i>	1B	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>ethacrynic acid PO</i>	1B	QL(16 EA daily)
<i>furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS PO</i>	1B	
<i>torseamide TABS PO</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS PO</i>	1B	
<i>spironolactone TABS PO</i>	1B	
<i>triamterene CAPS PO</i>	1B	QL(3 EA daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone PO 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>hydrochlorothiazide CAPS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS PO 12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS PO 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS PO 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>metolazone PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS PO 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)
<i>alendronate sodium TABS PO 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ML daily)
FOSAMAX PLUS D PO	3	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS PO</i>	1B	QL(0.036 EA daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS PO 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS PO 35 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS PO 150 MG</i>	1B	QL(0.036 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC PO</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	QL(30 EA per 30 day(s) retail); PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA PO	3	PA
<i>raloxifene hcl PO</i>	0	QL(1 EA daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine PO</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS PO</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl PO</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS PO</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ELAPRASE	4	SP; PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS PO</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS PO</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD PO</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS PO</i>	1B	PA
STRENSIQ	4	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS PO 0.2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS PO 0.1 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline PO</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
JYNARQUE TBPB	4	SP; PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
BIJUVA	3	PA
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol PO</i>	1B	
PREMPHASE PO	2	
PREMPRO PO	2	QL(1 EA daily)
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS PO</i>	1B	
ESTROGEL GEL (<i>estradiol</i>)	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST PO	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS PO	2	QL(1 EA daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS PO</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR PO</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS PO 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS PO 500 MG</i>	1A	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS PO</i>	1B	
<i>ofloxacin PO 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS PO</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ursodiol TABS PO</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>metoclopramide hcl TABS PO</i>	1A	QL(6 EA daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS PO</i>	1B	QL(9 EA daily)
DIPENTUM PO	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	PA
<i>mesalamine CPDR PO</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM PR</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mesalamine SUPP PR</i>	3	
<i>mesalamine TBEC PO 1.2 GM</i>	3	
<i>mesalamine TBEC PO 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>sulfasalazine TABS PO</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC PO</i>	1B	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy) PO</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
LINZESS	2	QL(1 EA daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan PO</i>	1B	
MOVANTIK PO	3	QL(1 EA daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS PO</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS PO</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW PO</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS PO</i>	1B	
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR PO</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid PO</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS PO	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS PO	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>finasteride PO</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin PO</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl PO</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS PO 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 EA daily); PA
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 EA daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 EA daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid PO</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol PO 100 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>colchicine TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid PO</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIIO 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT, 4000 UNIT	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		
TAVALISSE	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline PO</i>	1B	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl PO</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole PO</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
BRILINTA PO	2	QL(2 EA daily)
<i>cilostazol PO</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate PO 75 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>clopidogrel bisulfate PO 300 MG</i>	1B	
<i>dipyridamole PO</i>	1B	
<i>prasugrel hcl PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
ZONTIVITY PO	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ML daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS PO</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 EA daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 EA daily); PA
NYVEPRIA	4	PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROMACTA PACK	4	QL(1 EA daily); PA
PROMACTA TABS PO	4	QL(1 EA daily); PA
RETACRIT	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN PO 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS PO 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC PO</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS PO</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS PO</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX PO</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS PO</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep) PO</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam PO</i>	1B	
<i>eszopiclone PO</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl PO</i>	1B	
<i>temazepam PO 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>temazepam PO 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>triazolam PO</i>	1B	
<i>zaleplon PO 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon PO 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS PO</i>	1A	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon PO</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS PO</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid PO</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR PO 236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride PO</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN PO</i>	1B	
Saline Laxatives		
OSMOPREP PO	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP PR</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC PO</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium PO</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS PO 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS PO 100 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK PO</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR PO</i>	1B	
<i>azithromycin TABS PO 500 MG</i>	1B	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS PO 600 MG</i>	1B	QL(0.286 EA daily)
<i>azithromycin TABS PO 250 MG</i>	1B	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR PO</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS PO</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24 PO</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP PO</i>	3	
<i>erythromycin base TABS PO</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>erythromycin base TBEC PO</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR PO</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS PO</i>	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS	2	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 EA daily)
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
FEMCAP DEVI	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PS PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PS MISC	0	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KIMONO SENSATION PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SENSATION MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)
MAXX PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
MAXX MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	QL(2 EA daily)
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0	
REALITY LATEX CONDOMS MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0	
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0	
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0	
TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0	
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0	
TROJAN ULTRA THIN MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0	
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0	
TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)	Diabetic Supplies		
TRUE COVER DEVI	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDDED MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0	QL(2 EA daily)			
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1B	RX/OTC
RELION LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC
RELION LANCETS	1B	RX/OTC
SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
SELECT LANCETS	1B	6.66/day
SELECT LANCETS	1	6.66/day
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1B	
Parenteral Therapy Supplies		
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA
EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
UBRELVY PO	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); ST
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS PO</i>	1B	QL(1.5 EA daily)
<i>sumatriptan-naproxen sodium PO</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ML daily)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate PO 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate PO 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide PO</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate PO</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>naratriptan hcl PO</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS PO 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS PO 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rizatriptan benzoate TBDP PO 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	Electrolyte Mixtures		
<i>rizatriptan benzoate TBDP PO 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B	
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>electrolyte-a</i>	1B	
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	IONOSOL-MB IN D5W	1B	
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	ISOLYTE-P IN D5W	1B	
<i>sumatriptan succinate TABS PO</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	ISOLYTE-S	1B	
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B	
<i>zolmitriptan TABS PO</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1B	
<i>zolmitriptan TBDP PO</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>lactated ringer's</i>	1B	
MINERALS & ELECTROLYTES			NORMOSOL-M IN D5W	1B	
Bicarbonates			NORMOSOL-R PH 7.4	1B	
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B		PLASMA-LYTE 148 (<i>electrolyte-148</i>)	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B		PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B	
Calcium			<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1B	
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
			<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
			POTASSIUM CHLORIDE IN NACL 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ringer's</i>	1B	
Fluoride		
<i>sodium fluoride CHEW PO</i>	0	QL(1 EA daily)
Magnesium		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B	
Phosphate		
<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1B	
Potassium		
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
<i>potassium bicarbonate TBEF PO</i>	1B	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er PO</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR PO</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1B	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B	
<i>POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride)</i>	1B	
<i>potassium chloride TBCR PO 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B	
Sodium		
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Chelating Agents		
<i>penicillamine CAPS PO</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>penicillamine TABS PO</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>trientine hcl PO 250 MG</i>	4	QL(8 EA daily); SP; PA
Immunomodulators		
<i>lenalidomide PO 20 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>lenalidomide PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
THALOMID PO	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Immunosuppressive Agents		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE SODIUM	1B	
<i>azathioprine TABS PO</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS PO</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN PO</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS PO</i>	1B	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
ENSPRYNG	4	PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); SP; PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS PO</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS PO</i>	1B	
<i>mycophenolate sodium PO</i>	1B	
NULOJIX	4	SP; PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS PO</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tacrolimus CAPS PO</i>	1B		<i>cevimeline hcl PO</i>	1B	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA	<i>pilocarpine hcl (oral) PO</i>	1B	
Irrigation Solutions			MULTIVITAMINS		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B		Ped MV w/ Fluoride		
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B		<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW PO</i>	1A	RX/OTC
<i>ringer's irrigation</i>	1B		Prenatal Vitamins		
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B		CLASSIC PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
Potassium Removing Agents			CVS PRENATAL TABS PO 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)
LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA	EQL PRENATAL FORMULA TABS PO	2	QL(1 EA daily)
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD PO</i>	1B		FT PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B		GNP PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS			KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS PO	2	QL(1 EA daily)
Anesthetics Topical Oral			MASONATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B		M-NATAL PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)	MULTI PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
Anti-infectives - Throat			NEONATAL COMPLETE TABS PO 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>clotrimazole</i>	1B		NEONATAL PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
Antiseptics - Mouth/Throat			NEONATAL VITAMIN TABS PO	2	QL(1 EA daily)
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B				
DEBACTEROL	2				
Dental Products					
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC			
Steroids - Mouth/Throat/Dental					
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B				
Throat Products - Misc.					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NIVA-PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	RA PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
ONE VITE WOMENS PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	SM PRENATAL VITAMINS TABS PO	2	QL(1 EA daily)
ONE VITE WOMENS TABS PO	2	QL(1 EA daily)	THERANATAL CORE NUTRITION TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATAL ONE DAILY TABS PO	2	QL(1 EA daily)	TRICARE TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	VITATHELY WITH GINGER TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	WESTAB PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)	MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
PRENATAL VITAMINS TABS PO 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)	Central Muscle Relaxants		
PRENATAL VITAMIN TABS PO	2	QL(1 EA daily)	<i>baclofen TABS PO</i>	1B	
PRENATAL/IRON TABS PO 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)	<i>carisoprodol TABS PO</i>	1B	
PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)	<i>chlorzoxazone TABS PO 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
PRENATRIX TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	<i>chlorzoxazone TABS PO 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
PRENATRYL TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	<i>cyclobenzaprine hcl TABS PO 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS PO	2	QL(1 EA daily)	<i>metaxalone PO 800 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
QC PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)	<i>methocarbamol TABS PO 500 MG, 750 MG</i>	1B	
RA PRENATAL FORMULA TABS PO	2	QL(1 EA daily)	<i>orphenadrine citrate TB12 PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
			<i>tizanidine hcl CAPS PO</i>	1B	
			<i>tizanidine hcl TABS PO</i>	1B	
			Direct Muscle Relaxants		
			<i>dantrolene sodium CAPS PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
			NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
			Nasal Antiallergy		
			<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
			<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
			Nasal Anticholinergics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ML daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 GM daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS PO</i>	3	
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX E/DEXTROSE (5/20)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>apraclonidine hcl</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
IOPIDINE	3	
Ophthalmic Anti-infectives		
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Ophthalmic Steroids		
ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ML daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymyx-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymyx-dexameth SUSP</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
PRED MILD	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ML daily); RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ML daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS PO</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW PO 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR PO 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin SUSR PO 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin TABS PO</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS PO 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR PO</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS PO</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW PO</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR PO</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS PO</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12 PO</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium PO</i>	1B	
<i>naftillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate PO 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>medroxyprogesterone acetate PO 10 MG</i>	1A		<i>chlordiazepoxide-amitriptyline PO</i>	1B	
<i>megestrol acetate (appetite) PO</i>	1B	PA	<i>perphenazine-amitriptyline PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>norethindrone acetate TABS PO</i>	0		Fibromyalgia Agents		
<i>progesterone CAPS PO</i>	1B		SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions			SAVELLA TABS PO	2	QL(2 EA daily); PA
Agents for Chemical Dependency			Movement Disorder Drug Therapy		
<i>acamprosate calcium PO</i>	1B		AUSTEDO XR PATIENT TITRATION TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>disulfiram PO</i>	1B		AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA	AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA
LUCEMYRA (<i>lofexidine hcl</i>)	3	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA	INGREZZA CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
Antidementia Agents			INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
<i>donepezil hydrochloride TABS PO 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	INGREZZA CPSP	4	QL(1 EA daily); PA
<i>donepezil hydrochloride TABS PO 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>tetrabenazine PO</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TBDP PO 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	Multiple Sclerosis Agents		
<i>donepezil hydrochloride TBDP PO 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
<i>galantamine hydrobromide CP24 PO</i>	1B	QL(1 EA daily)	AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
<i>galantamine hydrobromide SOLN PO</i>	1B	QL(6 ML daily)	BETASERON KIT	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
<i>galantamine hydrobromide TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>memantine hcl TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS PO</i>	1B		<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS PO</i>	1B		<i>ingolimod hcl PO</i>	4	QL(1 EA daily)
Combination Psychotherapeutics			<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)	<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA	NICOTINE KIT	0	
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA	<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 EA daily)
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA	NICOTROL NS SOLN	0	
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA	NICOTROL INHA	0	
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA	<i>varenicline tartrate TABS PO</i>	0	QL(2 EA daily)
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA	<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA	RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA	Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA	PROLASTIN-C SOLN	4	PA
<i>teriflunomide PO</i>	4	QL(1 EA daily)	PROLASTIN-C SOLR	4	PA
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents			Cystic Fibrosis Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA	KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA	ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents			ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
NUEDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA	PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.			TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 EA daily); PA
<i>ergoloid mesylates TABS PO</i>	1B		Pulmonary Fibrosis Agents		
<i>pimozide PO</i>	1B		OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
Smoking Deterrents			<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
<i>bupropion hcl (smoking deterrent) PO</i>	0	QL(2 EA daily)	<i>pirfenidone TABS PO 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0		<i>pirfenidone TABS PO 267 MG, 801 MG</i>	4	
			SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
			Sulfonamides		
			<i>sulfadiazine TABS PO</i>	1B	
			TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Infections			<i>liothyronine sodium SOLN</i>		
Glycylcyclines			<i>liothyronine sodium TABS PO</i>		
<i>tigecycline</i>	1B		NP THYROID TABS PO	1B	QL(1 EA daily)
Tetracyclines			SYNTHROID TABS PO (<i>levothyroxine sodium</i>)		
<i>demeclocycline hcl TABS PO</i>	1B		TOXOIDS		
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS PO 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	Toxoid Combinations		
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS PO 75 MG</i>	1B		ADACEL SUSP	0	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS PO 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	BOOSTRIX SUSP	0	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS PO 50 MG, 75 MG</i>	1B		BOOSTRIX SUSY	0	
<i>doxycycline hyclate CAPS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)	DAPTACEL	0	
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B		DIPHThERIA-TETANUS TOXOIDS DT SUSP	0	
<i>doxycycline hyclate TABS PO 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	INFANRIX	0	
<i>minocycline hcl CAPS PO</i>	1B	QL(3 EA daily)	KINRIX SUSY	0	
<i>minocycline hcl TABS PO</i>	1B	QL(3 EA daily)	PEDIARIX SUSY	0	
<i>tetracycline hcl CAPS PO</i>	1B	QL(8 EA daily)	PENTACEL	0	
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones			QUADRACEL SUSP	0	
Antithyroid Agents			QUADRACEL SUSY	0	
<i>methimazole TABS PO</i>	1B		TDVAX SUSP	0	
<i>propylthiouracil PO</i>	1B		TENIVAC INJ	0	
Thyroid Hormones			TETANUS-DIPHThERIA TOXOIDS TD SUSP	0	
ADTHYZA TABS PO 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2		ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
ARMOUR THYROID TABS PO	2	QL(1 EA daily)	Antispasmodics		
<i>levothyroxine sodium TABS PO</i>	1B		<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
			<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
			<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide PO</i>	1B	
			<i>dicyclomine hcl CAPS PO</i>	1B	
			<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1B	
			<i>dicyclomine hcl TABS PO</i>	1B	
			<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>glycopyrrolate TABS PO 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>omeprazole TBEC PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>glycopyrrolate TABS PO 1 MG</i>	1B		<i>pantoprazole sodium TBEC PO 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methscopolamine bromide PO</i>	1B		<i>pantoprazole sodium TBEC PO 40 MG</i>	1B	
H-2 Antagonists			<i>rabeprazole sodium TBEC PO</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>cimetidine TABS PO</i>	1B	RX/OTC	Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B		<i>misoprostol PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B		Ulcer Therapy Combinations		
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A		<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>famotidine SUSR PO</i>	1B	QL(10 ML daily)	<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS PO 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>famotidine TABS PO 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC	URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
<i>nizatidine CAPS PO</i>	1B		Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
Misc. Anti-Ulcer			<i>darifenacin hydrobromide PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>sucralfate SUSP PO</i>	1B	QL(40 ML daily)	<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>sucralfate TABS PO</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
Proton Pump Inhibitors			<i>oxybutynin chloride TABS PO 5 MG</i>	1B	
<i>dexlansoprazole PO</i>	3	QL(1 EA daily)	<i>oxybutynin chloride TB24 PO</i>	1B	
<i>esomeprazole magnesium CPDR PO 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC	<i>solifenacin succinate TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>esomeprazole magnesium CPDR PO 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)	<i>tolterodine tartrate CP24 PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>tolterodine tartrate TABS PO</i>	1B	
<i>lansoprazole CPDR PO 30 MG</i>	1B		<i>trosipium chloride CP24 PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR PO 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC			
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	1B	QL(2 EA daily)			
<i>omeprazole magnesium CPDR PO</i>	1B	QL(4 EA daily)			
<i>omeprazole CPDR PO</i>	1B	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tropium chloride TABS PO</i>	1B	QL(3 EA daily)	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists			AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>bethanechol chloride PO 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	AREXVY	0	
<i>bethanechol chloride PO 25 MG</i>	1B		COMIRNATY SUSP	0	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants			COMIRNATY SUSY	0	
<i>flavoxate hcl PO</i>	1B		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
VACCINES			ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
Bacterial Vaccines			FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ACTHIB SOLR IM	0		FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
BEXSERO	0		FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
HIBERIX SOLR IJ	0		FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENACTRA	0		FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENQUADFI	0		FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENVEO SOLR	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PEDVAX HIB SUSP	0				
PNEUMOVAX 23 SOLN	0				
PNEUMOVAX 23 SOSY	0				
PREVNAR 13	0				
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail			
TRUMENBA	0				
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail			
Viral Vaccines					
ABRYSVO	0				
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HAVRIX	0	
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 292 day(s) retail; 2 max fill(s) per 292 day(s) mail
FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	IPOL	0	
FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	JANSSEN COVID-19 VACCINE	0	
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 BIVAL 6M-5Y	0	
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 BIVALENT	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC (BOOSTER) SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0	
FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0	
FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACC 6M-5Y SUSP	0	
			MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
			NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
			NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0	
			PFIZER COVID-19 BIVAL 6MO-4YR	0	
			PFIZER COVID-19 VAC BIVAL 5-11	0	
			PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0	
			PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0	
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0	
PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
RECOMBIVAX HB SUSP	0	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	
ROTARIX SUSP	0	
ROTARIX SUSR PO	0	
ROTATEQ SOLN PO	0	
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
SPIKEVAX SUSP	0	
SPIKEVAX SUSY	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA	0	
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Spermicides		
SHUR-SEAL CONTRACEPTIVE GEL	0	
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>epinephrine (anaphylaxis)</i> <i>SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl PO</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS PO</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS PO</i> <i>10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS PO</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO</i> <i>200 MCG/ML</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
NIACIN ER TBCR PO	1B	
<i>niacinamide TABS PO</i> <i>100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS PO</i> <i>500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR PO 250 MG,</i> <i>500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS PO</i>	1A	
<i>niacin TBCR PO</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN PO	31	acyclovir CAPS PO	33	MG/3ML, 1.25 MG/3ML	10
abacavir sulfate TABS PO	31	acyclovir SUSP PO	33	albuterol sulfate NEBU	10
abacavir sulfate-lamivudine PO ...	31	acyclovir TABS PO	33	albuterol sulfate SYRP PO	10
ABELCET	18	acyclovir topical CREA	41	albuterol sulfate TABS PO	10
abiraterone acetate 250 MG	26	acyclovir topical OINT	41	alclometasone dipropionate CREA	41
abiraterone acetate 500 MG	26	ADACEL SUSP	64	alclometasone dipropionate OINT	41
ABRYSVO	66	adapalene CREA	38	ALDURAZYME	46
acamprosate calcium PO	62	adapalene GEL	38	ALECENSA	27
acarbose PO	15	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5		alendronate sodium TABS PO 35	
acebutolol hcl CAPS PO	33	%-0.1 %	38	MG, 70 MG	45
acetaminophen w/ codeine SOLN PO		ADCETRIS	25	alendronate sodium TABS PO 5 MG,	
.....	6	adefovir dipivoxil PO	33	10 MG	45
acetaminophen w/ codeine TABS PO		ADEMPAS PO	35	alfuzosin hcl PO	49
15 MG-300 MG	6	ADTHYZA TABS PO 16.25 MG, 32.5		ALINIA SUSR PO	22
acetaminophen w/ codeine TABS PO		MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG ...	64	aliskiren fumarate PO	22
30 MG-300 MG	6	ADVATE	49	allopurinol PO 100 MG, 300 MG ...	49
acetaminophen w/ codeine TABS PO		ADYNOVATE	49	almotriptan malate PO 12.5 MG ...	54
60 MG-300 MG	6	AFLURIA PRESERVATIVE FREE		almotriptan malate PO 6.25 MG ...	54
acetaminophen-caff-dihydrocod		SUSY	66	ALOCRIL	60
CAPS PO 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	66	alogliptin benzoate	16
acetazolamide CP12 PO	45	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY		alogliptin-metformin hcl	15
acetazolamide sodium	45	0.5 ML	66	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG,	
acetazolamide TABS PO 125 MG	45	AFLURIA SUSP	66	30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	15
acetazolamide TABS PO 250 MG	45	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000		alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5	
acetic acid (otic)	60	UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500		MG, 45 MG-12.5 MG	15
acetic acid 0.25 %	49	UNIT	49	ALOMIDE	60
acetylcysteine SOLN	38	AIMOVIG	54	alose tron hcl PO	48
acitretin PO 10 MG, 17.5 MG	41	AIMSCO LUBRICATED MISC	52	alprazolam TABS PO 0.25 MG, 0.5	
acitretin PO 25 MG	41	AKYNZEO PO	18	MG, 1 MG	8
ACTHAR GEL	46	albendazole PO	7	alprazolam TABS PO 2 MG	8
ACTHIB SOLR IM	66	albuterol sulfate AERS	10	alprazolam TB24 PO	8
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	28	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63		alprazolam TBDP PO	8

ALPROLIX	49	amlodipine besylate-benazepril hcl PO	21	TABS PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	1
ALREX SUSP (loteprednol etabonate)	60	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil PO	21	amphotericin b IV	18
ALTABAX	39	amlodipine besylate-valsartan PO ..	21	amphotericin b liposome	18
ALTUVIIIIO 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT, 4000 UNIT	49	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide PO	21	ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM	61
ALUNBRIG TABS PO	27	amoxapine PO	15	ampicillin CAPS PO 500 MG	61
ALUNBRIG TBPK	27	amoxicillin & pot clavulanate CHEW PO	61	ampicillin sodium IV 10 GM	61
ALVESCO	9	amoxicillin & pot clavulanate SUSR PO	61	anagrelide hcl PO	50
alvimopan PO	48	amoxicillin & pot clavulanate TABS PO	61	anastrozole PO	26
amantadine hcl CAPS PO	29	amoxicillin & pot clavulanate TB12 PO	61	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
amantadine hcl SOLN	29	amoxicillin CAPS PO	61	ANNOVERA	37
amantadine hcl TABS PO	29	amoxicillin CHEW PO 125 MG, 250 MG	61	ANORO ELLIPTA	10
ambrisentan PO	35	amoxicillin SUSR PO 125 MG/5ML 61		ANZEMET TABS PO 50 MG	18
amcinonide CREA	42	amoxicillin SUSR PO 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	61	APIDRA SOLN	16
amcinonide LOTN	42	amoxicillin TABS PO	61	APIDRA SOLOSTAR SOPN	16
amcinonide OINT	42	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	65	apomorphine hydrochloride SOCT	29
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2	amphetamaine-dextroamphetamaine CP24 PO 15 MG	1	apraclonidine hcl	59
amiloride & hydrochlorothiazide PO 45		amphetamaine-dextroamphetamaine CP24 PO 20 MG, 25 MG, 30 MG ...	1	aprepitant CAPS PO 40 MG, 125 MG	18
amiloride hcl TABS PO	45	amphetamaine-dextroamphetamaine CP24 PO 5 MG, 10 MG	1	aprepitant CAPS PO 80 MG	18
aminocaproic acid TABS PO	51	amphetamaine-dextroamphetamaine TABS PO 30 MG	1	aprepitant CAPS PO	18
aminophylline SOLN	10	amphetamaine-dextroamphetamaine TABS PO 30 MG	1	aprepitant MISC PO	18
amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML . 9		amphetamaine-dextroamphetamaine		APTIVUS CAPS	31
amiodarone hcl TABS PO	9			ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	50
amitriptyline hcl TABS PO	15			ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	50
amlodipine besylate TABS PO	34			ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML,	
amlodipine besylate-atorvastatin calcium PO	35				

300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	50	atovaquone PO	22	baclofen TABS PO	58
ARCALYST	3	atovaquone-proguanil hcl PO	23	balsalazide disodium CAPS PO	48
AREXVY	66	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	64	BALVERSA	27
arformoterol tartrate	10	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	64	BANZEL TABS PO 200 MG (rufinamide)	12
ARIKAYCE	2	ATROVENT HFA	9	BANZEL TABS PO 400 MG (rufinamide)	12
aripiprazole SOLN PO	31	AUSTEDO TABS	62	BAXDELA SOLR	47
aripiprazole TABS PO	31	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION TEPK	62	BAXDELA TABS	47
armodafinil PO	1	AUSTEDO XR TB24	62	BELSOMRA	51
ARMOUR THYROID TABS PO	64	avanafil PO	35	benazepril & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG	21
ARNUITY ELLIPTA	9	AVONEX PEN AJKT	62	benazepril & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG	21
arsenic trioxide 10 MG/10ML	28	AVONEX PREFILLED PSKT	62	benazepril hcl PO	20
ARZERRA	25	AYVAKIT	26	bendamustine hcl SOLR	24
asenapine maleate 2.5 MG	30	AZACITIDINE SUSR	24	BENEFIX KIT	49
asenapine maleate 5 MG, 10 MG	30	AZATHIOPRINE SODIUM	56	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 38	
aspirin CHEW PO	5	azathioprine TABS PO	56	BENZEPRO FOAM 5.3 %	38
aspirin TABS PO 325 MG	5	azelaic acid GEL	44	benzonatate PO 100 MG	38
aspirin TBEC PO 325 MG	5	azelastine hcl (ophth)	60	benzonatate PO 150 MG	38
aspirin TBEC PO 81 MG	5	azelastine hcl	58	benzonatate PO 200 MG	38
aspirin-dipyridamole PO	50	AZELEX	38	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	39
atazanavir sulfate CAPS PO 150 MG, 300 MG	31	azithromycin PACK PO	52	benzoyl peroxide GEL 10 %	39
atazanavir sulfate CAPS PO 200 MG 31		azithromycin SOLR	52	benzoyl peroxide GEL 5 %	39
atenolol & chlorthalidone PO	21	azithromycin SUSR PO	52	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %	39
atenolol TABS PO	33	azithromycin TABS PO 250 MG	52	benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 38	
ATGAM	56	azithromycin TABS PO 500 MG	52	benztropine mesylate SOLN	29
atomoxetine hcl PO 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	azithromycin TABS PO 600 MG	52	benztropine mesylate TABS PO	29
atomoxetine hcl PO 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	aztreonam 1 GM	23		
atorvastatin calcium TABS PO	20	bacitracin (ophthalmic)	59		
		bacitracin	22		

bepotastine besilate	60	bisacodyl TBEC PO	52	budesonide (intrarectal)	7
betaine PO	46	bisoprolol & hydrochlorothiazide PO	21	budesonide (nasal)	59
betamethasone dipropionate (topical) CREA	42	bisoprolol fumarate PO	33	budesonide CPEP PO	37
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	42	bleomycin sulfate 15 UNIT	26	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10
betamethasone dipropionate (topical) OINT	42	BOOSTRIX SUSP	64	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML	45
betamethasone dipropionate augmented CREA	42	BOOSTRIX SUSY	64	bumetanide TABS PO	45
betamethasone dipropionate augmented LOTN	42	bortezomib SOLR IJ	27	buprenorphine hcl SOLN	7
betamethasone dipropionate augmented OINT	42	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	27	buprenorphine hcl SUBL	7
betamethasone valerate CREA	42	bosentan TABS 125 MG	35	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7
betamethasone valerate FOAM	42	bosentan TABS 62.5 MG	35	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7
betamethasone valerate LOTN	42	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	27	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7
betamethasone valerate OINT	42	BOSULIF TABS 400 MG	27	buprenorphine PTWK	7
BETASERON KIT	62	BRAFTOVI PO 75 MG	27	bupropion hcl (smoking deterrent) PO	63
betaxolol hcl (ophth) SOLN	59	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate-vilanterol)	10	bupropion hcl TABS PO	14
betaxolol hcl PO	33	BREO ELLIPTA	10	bupropion hcl TB12 PO 100 MG	14
bethanechol chloride PO 25 MG	66	BREZTRI AEROSPHERE	10	bupropion hcl TB12 PO 150 MG	14
bethanechol chloride PO 5 MG, 10 MG, 50 MG	66	BRILINTA PO	50	bupropion hcl TB12 PO 200 MG	14
bexarotene (topical)	40	brimonidine tartrate (topical)	44	bupropion hcl TB24 PO 150 MG	14
bexarotene PO	28	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	59	bupropion hcl TB24 PO 300 MG	14
BEXSERO	66	brimonidine tartrate-timolol maleate	59	bupirone hcl PO 5 MG	8
bicalutamide PO	26	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	12	bupirone hcl PO 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8
BIJUVA	47	BRIVIACT TABS	12	busulfan SOLN	24
BIKTARVY	31	bromfenac sodium (ophth)	60	butalbital-acetaminophen TABS PO 50 MG-325 MG	4
bimatoprost SOLN	60	bromocriptine mesylate CAPS PO	29	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS PO 40 MG-50 MG-300 MG	4
bisacodyl SUPP PR	52	bromocriptine mesylate TABS PO 2.5 MG	29		
		BRUKINSA	27		
		budesonide (inhalation) SUSP	9		

butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS PO 40 MG-50 MG-325 MG .. 4	calcium polycarbophil TABS PO ...51	carteolol hcl (ophth) 59
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS PO 40 MG-50 MG-325 MG .. 4	CALQUENCE 27	carvedilol phosphate PO 33
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine PO 30 MG-40 MG-50 MG- 300 MG 6	candesartan cilexetil PO 21	carvedilol PO 33
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine PO 30 MG-40 MG-50 MG- 325 MG 6	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide PO 21	caspofungin acetate 18
butalbital-aspirin-caffeine CAPS PO 5	capecitabine PO 24	CAYA DPRH 52
butalbital-aspirin-caffeine w/cod PO 6	CAPRELSA PO 27	CAYSTON 23
butenafine hcl 39	captopril PO 12.5 MG 20	cefaclor CAPS PO 36
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML 7	captopril PO 25 MG, 50 MG, 100 MG 20	cefaclor SUSR PO 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML 36
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML . 7	carbamazepine CHEW PO 100 MG 12	cefadroxil CAPS PO 36
cabergoline PO 47	carbamazepine CP12 PO 100 MG 12	cefadroxil SUSR PO 36
CABOMETYX TABS PO 27	carbamazepine CP12 PO 200 MG 12	cefadroxil TABS PO 36
calcipotriene CREA 41	carbamazepine CP12 PO 300 MG 12	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG 36
calcipotriene OINT 41	carbamazepine SUSP PO 12	cefdinir CAPS PO 36
calcipotriene SOLN 41	carbamazepine TABS PO 12	cefdinir SUSR PO 36
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT 42	carbamazepine TB12 PO 100 MG, 400 MG 12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM 36
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP 42	carbamazepine TB12 PO 200 MG .12	cefixime CAPS PO 36
calcitonin (salmon) NA 46	carbidopa PO 29	cefixime SUSR PO 36
calcitriol (topical) 41	carbidopa-levodopa TABS PO 29	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM 36
calcitriol CAPS PO 46	carbidopa-levodopa TBCR PO 29	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ... 36
calcitriol SOLN IV 46	carbidopa-levodopa TBDP PO 29	cefpodoxime proxetil SUSR PO ... 36
calcium acetate (phosphate binder) CAPS PO 48	carbidopa-levodopa-entacapone PO . 29	cefpodoxime proxetil TABS PO 36
calcium acetate (phosphate binder) TABS PO 48	carbinoxamine maleate SOLN PO .19	cefprozil SUSR PO 36
calcium chloride (dihydrate) SOLN 55	carbinoxamine maleate TABS PO 4 MG 19	cefprozil TABS PO 36
	carboplatin SOLN 50 MG/5ML 24	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM 36
	carisoprodol TABS PO 58	ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG 36
	carmustine 24	ceftriaxone sodium IJ 250 MG 36
		cefuroxime axetil TABS PO 36
		cefuroxime sodium IJ 750 MG 36

celecoxib PO	3	cholestyramine PACK PO	20	40 MG	14
cephalexin CAPS PO	36	cholestyramine POWD PO	20	clarithromycin SUSR PO	52
cephalexin SUSR PO	36	choline fenofibrate PO	20	clarithromycin TABS PO	52
CERDELGA	50	CHORIONIC GONADOTROPIN IM		clarithromycin TB24 PO	52
CEREZYME 400 UNIT	50	46		CLASSIC PRENATAL TABS PO ..	57
cetirizine hcl TABS PO	19	ciclopirox GEL	40	clemastine fumarate SYRP PO	19
cevimeline hcl PO	57	ciclopirox olamine CREA	40	clemastine fumarate TABS PO 2.68	
CHEMET PO	17	ciclopirox olamine SUSP	40	MG	19
CHEMSTRIP K STRP	44	ciclopirox SHAM	40	CLIMARA PRO	47
chloramphenicol sodium succinate		ciclopirox SOLN	40	clindamycin hcl PO	23
22		cidofovir	32	clindamycin palmitate hydrochloride	
chlordiazepoxide hcl CAPS PO	8	cilostazol PO	50	PO	23
chlordiazepoxide hcl-clidinium		CIMDUO	31	clindamycin phosphate (topical)	
bromide PO	64	cimetidine TABS PO	65	FOAM	39
chlordiazepoxide-amitriptyline PO ..	62	cinacalcet hcl PO	46	clindamycin phosphate (topical) GEL	
chlorhexidine gluconate (mouth-		ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	59	39	
throat)	57	ciprofloxacin hcl (otic)	60	clindamycin phosphate (topical)	
chloroquine phosphate TABS PO 250		ciprofloxacin hcl TABS PO	47	LOTN	39
MG	23	ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML .		clindamycin phosphate (topical)	
chloroquine phosphate TABS PO 500		47		SOLN	39
MG	23	ciprofloxacin SUSR PO	47	clindamycin phosphate (topical)	
chlorpromazine hcl SOLN	31	ciprofloxacin-dexamethasone	60	SWAB	39
chlorpromazine hcl TABS PO	31	ciprofloxacin-fluocinolone acetoneide .		clindamycin phosphate SOLN IJ 9	
chlorthalidone PO 25 MG, 50 MG ..	45	60		GM/60ML, 300 MG/2ML, 600	
chlorzoxazone TABS PO 500 MG ..	58	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	24	MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000	
chlorzoxazone TABS PO 750 MG ..	58	citalopram hydrobromide SOLN PO		MG/60ML	23
CHOLBAM	48	14		clindamycin phosphate vaginal CREA	
cholecalciferol CAPS PO	69	citalopram hydrobromide TABS PO		68
cholecalciferol TABS PO 10 MCG,		10 MG	14	clindamycin phosphate-benzoyl	
400 UNIT	69	citalopram hydrobromide TABS PO		peroxide (refrigerate)	39
cholestyramine light PACK PO	20	20 MG	14	clindamycin phosphate-benzoyl	
cholestyramine light POWD PO ...	20	citalopram hydrobromide TABS PO		peroxide GEL 5 %-1 %	39
				clindamycin phosphate-tretinoin ..	39
				CLINIMIX E/DEXTROSE (5/20) ..	59

CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) .59	clozapine TABS PO30	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ41
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ...59	clozapine TBDP PO 100 MG 30	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...41
clobazam SUSP11	clozapine TBDP PO 12.5 MG, 150 MG 30	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .41
clobazam TABS PO11	clozapine TBDP PO 25 MG30	COSENTYX UNOREADY SOAJ .. 41
clobetasol propionate CREA 0.05 % . 42	COARTEM 23	CREON CPEP PO45
clobetasol propionate emollient base 0.05 %42	codeine sulfate TABS PO 30 MG ...5	CRESEMBA CAPS 186 MG19
clobetasol propionate FOAM 42	CODEINE SULFATE TABS PO5	cromolyn sodium (ophth)60
clobetasol propionate GEL 0.05 % 42	colchicine TABS PO 49	cromolyn sodium NEBU9
clobetasol propionate OINT 0.05 % 42	colchicine w/ probenecid PO49	crotamiton LOTN 44
clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 42	colesevelam hcl PACK20	CVS PRENATAL TABS PO 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT . 57
clocortolone pivalate 42	colesevelam hcl TABS PO20	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML 50
clofarabine24	colestipol hcl GRAN PO 20	cyclobenzaprine hcl TABS PO 5 MG, 10 MG58
clomipramine hcl PO15	colestipol hcl TABS PO20	cyclophosphamide CAPS24
clonazepam TABS PO11	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT27	cyclophosphamide SOLR IJ 24
clonidine hcl (adhd) TB12 PO1	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT 27	cycloserine PO24
clonidine hcl TABS PO21	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT27	cyclosporine (ophth) EMUL60
clonidine PTWK21	COMIRNATY SUSP 66	cyclosporine CAPS PO56
clopidogrel bisulfate PO 300 MG .. 50	COMIRNATY SUSY 66	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS PO 56
clopidogrel bisulfate PO 75 MG ...50	COMPLERA31	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN PO 56
clorazepate dipotassium TABS PO .8	CONTRACE PO1	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML . 56
clotrimazole (topical) CREA 40	COPIKTRA PO27	CYLTEZO (2 PEN) AJKT 2
clotrimazole (topical) SOLN40	CORDRAN TAPE42	CYLTEZO (2 PEN) AJKT 3
clotrimazole57	CORTISPORIN-TC61	CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML3
clotrimazole vaginal CREA 1 % ...68	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY . 41	CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 20
clotrimazole w/ betamethasone CREA40	COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ41	
clotrimazole w/ betamethasone LOTN40		

MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	3	deferasirox PACK	17	desoximetasone CREA 0.25 %	42
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	3	deferasirox TABS PO	17	desoximetasone GEL	42
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	3	deferasirox TBSO	17	desoximetasone OINT 0.25 %	42
cyproheptadine hcl SYRP PO	19	deflazacort SUSP PO	37	desvenlafaxine succinate PO 100 MG	15
cyproheptadine hcl TABS PO	19	deflazacort TABS PO	37	desvenlafaxine succinate PO 25 MG, 50 MG	15
CYSTAGON CAPS PO	49	DELSTRIGO	31	dexamethasone ELIX PO	37
CYSTARAN	60	demeclocycline hcl TABS PO	64	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	37
cytarabine SOLN	24	DEPO-ESTRADIOL	47	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	60
dabigatran etexilate mesylate CAPS PO	11	DEPO-MEDROL SUSP	37	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	37
dacarbazine SOLR 200 MG	28	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	37	dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML	37
dactinomycin	26	desipramine hcl TABS PO	15	dexamethasone SOLN PO	37
dalfampridine	62	desloratadine TABS PO	19	dexamethasone TABS PO 0.5 MG, 0.75 MG	37
danazol CAPS PO	7	desloratadine TBDP PO 2.5 MG ...	19	dexamethasone TABS PO 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	37
dantrolene sodium CAPS PO	58	desmopressin acetate SOLN IJ ...	47	dexchlorpheniramine maleate SOLN . 19	
dapagliflozin propanediol PO	17	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	47	dexlansoprazole PO	65
dapagliflozin propanediol-metformin hcl PO 1000 MG-10 MG	15	desmopressin acetate spray	47	dexmethylphenidate hcl CP24 PO ..	1
dapagliflozin propanediol-metformin hcl PO 1000 MG-5 MG	15	desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %	47	dexmethylphenidate hcl TABS PO ..	1
dapsone PO	23	desmopressin acetate TABS PO 0.1 MG	47	dextroamphetamine sulfate CP24 PO 10 MG, 15 MG	1
DAPTACEL	64	desmopressin acetate TABS PO 0.2 MG	47	dextroamphetamine sulfate CP24 PO 5 MG	1
daptomycin 500 MG	22	desogestrel & ethinyl estradiol PO	36	dextroamphetamine sulfate TABS PO 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	1
darifenacin hydrobromide PO	65	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) PO	36	dextroamphetamine sulfate TABS PO	
darunavir TABS 600 MG	31	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) PO	36	2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	1
darunavir TABS 800 MG	31	desonide CREA	42	dextroamphetamine sulfate TABS PO	
dasatinib	27	desonide LOTN	42	2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	1
DAURISMO	25	desonide OINT	42	dextroamphetamine sulfate TABS PO	
DEBACTEROL	57				
decitabine	24				

5 MG, 10 MG	1	diflunisal TABS PO	5	MG	19
dextrose in lactated ringers	55	difluprednate	60	diphenhydramine hcl ELIX PO 12.5 MG/5ML	19
DIACOMIT CAPS	12	digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML	34	diphenhydramine hcl LIQD PO 12.5 MG/5ML	19
DIACOMIT PACK 250 MG	12	digoxin TABS PO 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	34	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	19
DIACOMIT PACK 500 MG	12	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	54	diphenoxylate w/ atropine LIQD PO 17	
diazepam (anticonvulsant) GEL PR 12		dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	54	diphenoxylate w/ atropine TABS PO . 17	
diazepam CONC	8	DILANTIN INFATABS CHEW PO (phenytoin)	13	DIPHThERIA-TETANUS TOXOIDS DT SUSP	64
diazepam SOLN PO 5 MG/5ML	8	DILANTIN PO (phenytoin sodium extended)	13	dipyridamole PO	50
diazepam TABS PO	8	DILANTIN PO	13	disopyramide phosphate CAPS PO .8	
diazoxide	16	DILANTIN SUSP PO (phenytoin) ..	13	disulfiram PO	62
dichlorphenamide PO	45	DILANTIN-125 SUSP PO (phenytoin)	13	divalproex sodium TB24 PO	13
diclofenac epolamine PTCH EX ...	40	diltiazem hcl coated beads CP24 PO 120 MG, 300 MG, 360 MG	34	divalproex sodium TBEC PO	13
diclofenac potassium TABS PO 50 MG	3	diltiazem hcl coated beads CP24 PO 180 MG, 240 MG	34	docetaxel CONC 20 MG/ML	29
diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	40	diltiazem hcl CP12 PO	34	docetaxel SOLN 20 MG/2ML	29
diclofenac sodium (ophth)	60	diltiazem hcl CP24 PO	34	docusate calcium PO	52
diclofenac sodium (topical) GEL EX 40		diltiazem hcl extended release beads PO	34	docusate sodium CAPS PO 100 MG . 52	
diclofenac sodium TB24 PO	4	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	34	docusate sodium CAPS PO 250 MG . 52	
diclofenac sodium TBEC PO	4	DILTIAZEM HCL SOLR	34	dofetilide PO	9
diclofenac w/ misoprostol TBEC PO 4		diltiazem hcl TABS PO	34	donepezil hydrochloride TABS PO 10 MG	62
dicloxacillin sodium PO	61	diltiazem hcl TB24	34	donepezil hydrochloride TABS PO 5 MG, 23 MG	62
dicyclomine hcl CAPS PO	64	dimethyl fumarate CDPK	62	donepezil hydrochloride TBDP PO 10 MG	62
dicyclomine hcl SOLN PO	64	dimethyl fumarate CPDR	62	donepezil hydrochloride TBDP PO 5 MG	62
dicyclomine hcl TABS PO	64	DIPENTUM PO	48		
DIFFERIN LOTN	39	diphenhydramine hcl CAPS PO 50			
DIFICID TABS	52				
diflorasone diacetate CREA	42				
diflorasone diacetate OINT	42				

DOPTELET	50	DROXIA CAPS	50	electrolyte-a	55
dorzolamide hcl	60	DUAVEE	47	ELESTRIN GEL	47
dorzolamide hcl-timolol maleate ..	59	DULERA	10	eletriptan hydrobromide PO	54
DOVATO	31	duloxetine hcl CPEP PO 20 MG, 30		ELIGARD KIT SC 7.5 MG	26
doxazosin mesylate PO	21	MG, 60 MG	15	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45	
doxepin hcl (antipruritic)	41	duloxetine hcl CPEP PO 40 MG ...	15	MG	26
doxepin hcl (sleep) PO	51	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML		ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK	
doxepin hcl CAPS PO	15	43		TBPK	11
doxepin hcl CONC PO	15	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	43	ELIQUIS TABS	11
doxercalciferol CAPS PO	46	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML		ELLA PO	37
doxercalciferol SOLN	46	43		ELMIRON CAPS PO	49
doxorubicin hcl liposomal SUSP ...	26	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML		ELOCTATE	49
doxorubicin hcl SOLN	27	43		EMCYT PO	26
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG		DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	43	EMFLAZA SUSP PO (deflazacort)	37
.....	27	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN		EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	
doxycycline (monohydrate) CAPS PO		DEVI	52	54	
50 MG, 100 MG	64	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN		EMGALITY SOAJ	54
doxycycline (monohydrate) CAPS PO		MISC	52	EMGALITY SOSY	54
75 MG	64	DUREX TROPICAL MISC	52	EMSAM	14
doxycycline (monohydrate) TABS PO		dutasteride PO	49	emtricitabine CAPS PO	31
100 MG	64	econazole nitrate CREA	40	emtricitabine-tenofovir disoproxil	
doxycycline (monohydrate) TABS PO		EDARBI PO	21	fumarate PO 100 MG-150 MG, 133	
50 MG, 75 MG	64	EDURANT	31	MG-200 MG, 167 MG-250 MG	31
doxycycline hyclate CAPS PO	64	efavirenz CAPS PO 200 MG	31	emtricitabine-tenofovir disoproxil	
doxycycline hyclate SOLR	64	efavirenz CAPS PO 50 MG	31	fumarate PO 200 MG-300 MG	31
doxycycline hyclate TABS PO 20		efavirenz TABS PO	31	EMTRIVA SOLN	31
MG, 100 MG	64	efavirenz-emtricitabine-tenofovir		EMVERM CHEW PO	7
doxylamine-pyridoxine TBEC PO ..	18	disoproxil fumarate PO	31	enalapril maleate &	
dronabinol CAPS PO	18	efavirenz-lamivudine-tenofovir		hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-5	
drosiprenone-ethinyl estradiol PO .	36	disoproxil fumarate	31	MG	21
drosiprenone-ethinyl estradiol-		EGRIFTA SV	46	enalapril maleate &	
levomefolate calcium PO	36	ELAPRASE	47	hydrochlorothiazide PO 25 MG-10	
		electrolyte-148	55	MG	21

enalapril maleate TABS PO	20	UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	50	escitalopram oxalate TABS PO 10 MG	14
ENBREL MINI SOCT	4	epoprostenol sodium	35	escitalopram oxalate TABS PO 20 MG	14
ENBREL SOLN	4	EQL PRENATAL FORMULA TABS PO	57	escitalopram oxalate TABS PO 5 MG	14
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	EQUETRO PO	30	esomeprazole magnesium CPDR PO 20 MG	65
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	ERAXIS	18	esomeprazole magnesium CPDR PO 40 MG	65
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	ERBITUX	25	esomeprazole magnesium TBEC	65
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	66	ergocalciferol CAPS PO	69	ESPEROCT	49
ENGERIX-B SUSY	66	ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML	69	estazolam PO	51
enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	11	ergoloid mesylates TABS PO	63	estradiol GEL	47
enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11	ERGOMAR SUBL	54	estradiol PTTW	47
enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11	ergotamine w/ caffeine TABS PO	54	estradiol PTWK	47
enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11	eribulin mesylate	29	estradiol TABS PO	47
enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11	ERIVEDGE	25	estradiol vaginal CREA	68
enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11	ERLEADA 240 MG	26	estradiol vaginal TABS	68
ENSPRYNG	56	ERLEADA 60 MG	26	estradiol valerate	47
entacapone PO	29	erlotinib hcl	25	ESTROGEL GEL (estradiol)	47
entecavir TABS PO	33	ERTACZO	40	eszopiclone PO	51
EPIDIOLEX	12	ertapenem sodium IJ	22	ethacrynic acid PO	45
epinastine hcl (ophth)	60	erythromycin (acne aid) PADS	39	ethambutol hcl TABS PO	24
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	69	erythromycin (acne aid) SOLN	39	ethosuximide CAPS PO	13
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	68	erythromycin (ophth)	59	ethosuximide SOLN PO	13
EPIVIR HBV SOLN	33	erythromycin base CPEP PO	52	ethynodiol diacet & eth estrad PO	36
eplerenone PO	22	erythromycin base TABS PO	52	etodolac CAPS PO	4
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000		erythromycin base TBEC PO	52	etodolac TABS PO	4
		erythromycin ethylsuccinate SUSR PO	52	etonogestrel-ethinyl estradiol	37
		erythromycin ethylsuccinate TABS PO	52	ETOPOPHOS	29
		escitalopram oxalate SOLN PO	14	etoposide CAPS PO	29

etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	29	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9	FIRMAGON 80 MG	26
etravirine PO 100 MG	32	FC2 FEMALE CONDOM	52	flavoxate hcl PO	66
etravirine PO 200 MG	32	febuxostat	49	flecainide acetate PO	8
EUCRISA	44	felbamate SUSP	13	floxuridine	25
EVAMIST SOLN	47	felbamate TABS PO 400 MG	13	FLUAD	66
everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	56	felbamate TABS PO 600 MG	13	FLUAD QUADRIVALENT	66
everolimus (immunosuppressant) 1 MG	56	felodipine PO	34	FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	66
everolimus TABS	27	FEMCAP DEVI	52	FLUARIX SUSY	66
EVOTAZ	32	FEMLYV TBDP	36	FLUBLOK QUADRIVALENT	66
exemestane PO	26	FEMRING	68	FLUBLOK SOSY	66
ezetimibe PO	20	fenofibrate micronized PO 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...	20	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	66
ezetimibe-simvastatin PO	19	fenofibrate TABS PO 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	20	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	67
famciclovir PO 125 MG, 250 MG ..	33	fenoprofen calcium TABS PO	4	FLUCELVAX SUSP	67
famciclovir PO 500 MG	33	FENSOLVI (6 MONTH) SC	46	FLUCELVAX SUSY	67
famotidine in nacl SOLN	65	fentanyl citrate LPOP	5	fluconazole SUSR PO	19
famotidine SOLN 20 MG/2ML	65	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5	fluconazole TABS PO	19
famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	65	ferrous sulfate SOLN PO 15 MG/ML, 15 MG/ML	51	flucytosine PO	18
famotidine SUSR PO	65	ferrous sulfate SOLN PO 15 MG/ML, 15 MG/ML	51	fludarabine phosphate SOLN	25
famotidine TABS PO 20 MG, 40 MG . 65		ferrous sulfate TABS PO 325 MG, 65 MG, 325 MG	51	fludarabine phosphate SOLR	25
FANAPT PO	30	ferrous sulfate TBEC PO	51	fludrocortisone acetate TABS PO .	38
FANAPT TITRATION PACK PO ..	30	fesoterodine fumarate	65	FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY .	67
FANTASY LUBRICATED MISC ...	52	FETZIMA CP24	15	FLULAVAL SUSY	67
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 52		FETZIMA TITRATION C4PK	15	FLUMIST	67
FARXIGA PO (dapagliflozin propanediol)	17	finasteride PO	49	FLUMIST QUADRIVALENT	67
FASENRA PEN SOAJ	9	fingolimod hcl PO	62	flunisolide (nasal)	59
		FIRDAPSE	24	fluocinolone acetonide (otic)	61
		FIRMAGON (240 MG DOSE)	26	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 42	

fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	42	flutamide PO	26	FML OINT	60
fluocinolone acetonide OIL	42	fluticasone furoate-vilanterol	10	folic acid TABS PO	50
fluocinolone acetonide OINT	42	fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML	11
fluocinolone acetonide SOLN	42	fluticasone propionate (nasal) SUSP	59	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML	11
fluocinonide CREA	42	fluticasone propionate CREA 0.05 %	43	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML	11
fluocinonide emulsified base	42	fluticasone propionate hfa	9	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML	11
fluocinonide GEL	42	fluticasone propionate LOTN	43	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	44
fluocinonide OINT	43	fluticasone propionate OINT	43	FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	44
fluocinonide SOLN	43	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10	formoterol fumarate NEBU	10
fluorometholone (ophth) SUSP	60	fluticasone-salmeterol AERO	10	FOSAMAX PLUS D PO	46
fluorouracil (topical) CREA 5 %	40	fluvastatin sodium CAPS PO 20 MG	20	fosamprenavir calcium TABS PO	32
fluorouracil (topical) SOLN	40	fluvastatin sodium CAPS PO 40 MG	20	fosfomycin tromethamine	23
fluorouracil 500 MG/10ML	25	fluvoxamine maleate TABS PO 100 MG	14	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide PO	21
fluoxetine hcl CAPS PO 10 MG	14	fluvoxamine maleate TABS PO 25 MG, 50 MG	14	fosinopril sodium PO	20
fluoxetine hcl CAPS PO 20 MG	14	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	67	fosphenytoin sodium	13
fluoxetine hcl CAPS PO 40 MG	14	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	67	FRAGMIN SOSY	11
fluoxetine hcl CPDR PO	14	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	67	FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	53
fluoxetine hcl SOLN PO	14	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	67	FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	53
fluoxetine hcl TABS PO 10 MG, 60 MG	14	FLUZONE SUSP	67	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	53
fluoxetine hcl TABS PO 20 MG	14	FLUZONE SUSY	67	FREESTYLE LIBRE 2 READER	54
fluphenazine hcl CONC PO	31	FML FORTE SUSP	60	FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	54
fluphenazine hcl ELIX PO	31			FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	54
fluphenazine hcl SOLN	31			FREESTYLE LIBRE 3 READER	54
fluphenazine hcl TABS PO	31				
flurandrenolide CREA	43				
flurandrenolide LOTN	43				
flurazepam hcl PO	51				
flurbiprofen sodium	60				
flurbiprofen TABS PO	4				

FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..54	ganciclovir sodium SOLR32	2.5 MG, 500 MG-2.5 MG15
FREESTYLE LIBRE READER54	ganirelix acetate46	glipizide-metformin hcl PO 500 MG-5 MG 15
frovatriptan succinate PO54	GARDASIL 9 SUSP67	GLUCAGEN DIAGNOSTIC44
FT PRENATAL TABS PO57	GARDASIL 9 SUSY67	glucagon (rdna)16
fulvestrant SOSY26	gatifloxacin (ophth)59	glyburide micronized PO 1.5 MG, 3 MG, 6 MG17
furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML45	gefitinib25	glyburide TABS PO17
furosemide TABS PO45	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG25	glyburide-metformin PO 250 MG-1.25 MG15
FUZEON SOLR32	gemfibrozil TABS PO20	glyburide-metformin PO 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG15
FYCOMPA TABS 2 MG11	GENOTROPIN CART SC46	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..49
FYCOMPA TABS 4 MG11	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY 46	glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML 64
FYCOMPA TABS 6 MG11	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %2	glycopyrrolate TABS PO 1 MG65
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG11	gentamicin sulfate (ophth) OINT ..59	glycopyrrolate TABS PO 2 MG65
gabapentin CAPS PO12	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..59	GLYXAMBI PO15
gabapentin SOLN PO12	gentamicin sulfate (topical) CREA .39	GNP PRENATAL TABS PO57
gabapentin TABS PO 600 MG, 800 MG12	gentamicin sulfate (topical) OINT .39	GOHIBIC50
galantamine hydrobromide CP24 PO 62	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML2	GOJJI BLOOD KETONE TEST ...44
galantamine hydrobromide SOLN PO62	GENVOYA32	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML 18
galantamine hydrobromide TABS PO62	GILOTRIF25	granisetron hcl TABS PO18
GAMMAGARD 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML61	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 62	GRASTEK SUBL2
GAMMAGARD 30 GM/300ML61	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 63	griseofulvin microsize SUSP PO ...18
GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR61	GLEOSTINE PO 10 MG24	griseofulvin microsize TABS PO ...18
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML61	GLEOSTINE PO 40 MG, 100 MG .24	griseofulvin ultramicrosize PO19
GAMUNEX-C61	glimepiride PO 1 MG, 2 MG17	guanfacine hcl (adhd) PO1
	glimepiride PO 4 MG17	guanfacine hcl PO21
	glipizide TABS PO 5 MG, 10 MG ..17	GYNAZOLE-168
	glipizide TB24 PO17	HAEGARDA SOLR SC50
	glipizide-metformin hcl PO 250 MG-	HALAVEN (eribulin mesylate)29

halcinonide CREA	43	HUMIRA-PSORIASIS/UEVEIT STARTER AJKT	3	200 MG	7
halobetasol propionate CREA	43	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	17	hydrocortisone (intrarectal) PR	7
halobetasol propionate OINT	43	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	17	hydrocortisone (rectal) EX	7
HALOG OINT	43	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	17	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	43
haloperidol decanoate	30	HYCANTIN CAPS PO	29	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % .	43
haloperidol lactate CONC PO	30	hydralazine hcl SOLN	22	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	43
haloperidol lactate SOLN	30	hydralazine hcl TABS PO	22	hydrocortisone acetate (rectal) PR ..	7
haloperidol TABS PO	30	hydrochlorothiazide CAPS PO	45	hydrocortisone butyrate CREA	43
HAVRIX	67	hydrochlorothiazide TABS PO 12.5 MG	45	hydrocortisone butyrate OINT	43
HEMANGEOL SOLN PO	34	hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG, 50 MG	45	hydrocortisone butyrate SOLN	43
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11		hydrocodone bitartrate CP12 PO ...	5	hydrocortisone sod succinate 100 MG	37
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11	hydrocodone bitartrate T24A	5	hydrocortisone TABS PO	37
HEPLISAV-B SOSY	67	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER PO	38	hydrocortisone vaginal	68
HIBERIX SOLR IJ	66	hydrocodone-acetaminophen SOLN PO 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	6	hydrocortisone valerate CREA	43
HUMATROPE CART IJ	46	hydrocodone-acetaminophen SOLN PO 325 MG/15ML-10 MG/15ML	6	hydrocortisone valerate OINT	43
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	3	hydrocodone-acetaminophen TABS PO 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	6	hydrocortisone w/acetic acid	61
HUMIRA (2 PEN) AJKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6	hydromorphone hcl LIQD PO	5
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS PO	6	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .	5
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS PO	6	hydromorphone hcl TABS PO	5
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6	hydromorphone hcl TB24 PO 32 MG 5	
HUMIRA-PED>/=40KG CROHNS START PSKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS PO	6	hydromorphone hcl TB24 PO 8 MG, 12 MG, 16 MG	5
HUMIRA-PED>/=40KG UC STARTER AJKT	3	hydrocodone-ibuprofen PO 10 MG- 200 MG, 5 MG-200 MG	6	hydroxychloroquine sulfate PO 100 MG	23
HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	3	hydrocodone-ibuprofen PO 7.5 MG-		hydroxychloroquine sulfate PO 200 MG	23

hydroxychloroquine sulfate PO 400 MG	23	imipenem-cilastatin IV	22	IONOSOL-MB IN D5W	55
hydroxyurea PO	28	imipramine hcl TABS PO	15	IOPIDINE	59
hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	8	imipramine pamoate PO	15	IPOL	67
hydroxyzine hcl SYRP PO	8	imiquimod 5 %	43	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 59	
hydroxyzine hcl TABS PO	8	IMPAVIDO	22	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 59	
hydroxyzine pamoate CAPS PO	8	INCRELEX	46	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	9
HYPERSAL NEBU	38	INCRUSE ELLIPTA	9	ipratropium-albuterol SOLN	10
HYQVIA	61	indapamide TABS PO 1.25 MG ...	45	irbesartan PO	21
ibandronate sodium SOLN	46	indapamide TABS PO 2.5 MG	45	irbesartan-hydrochlorothiazide PO	21
ibandronate sodium TABS PO	46	indomethacin CAPS PO 25 MG, 50 MG	4	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	29
IBRANCE CAPS	27	indomethacin CPCR PO	4	irrigation solutions, physiological	57
IBRANCE TABS	27	INFANRIX	64	ISENTRESS CHEW	32
ibuprofen SUSP PO 100 MG/5ML ..	4	INFLECTRA SOLR	48	ISENTRESS HD TABS PO	32
ibuprofen TABS PO 400 MG, 600 MG	4	INGREZZA CAPS	62	ISENTRESS TABS PO	32
ibuprofen TABS PO 800 MG	4	INGREZZA CPPK	62	ISOLYTE-P IN D5W	55
icatibant acetate SOSY	50	INGREZZA CPSP	62	ISOLYTE-S	55
ICLUSIG PO	27	INLYTA	25	isoniazid SOLN	24
icosapent ethyl 1 GM	19	INREBIC	27	isoniazid SYRP PO	24
idarubicin hcl 20 MG/20ML	27	INSULIN ASP PROT & ASP FLEXPEN SUPN	17	isoniazid TABS PO	24
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	27	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN . 17		isosorbide dinitrate TABS PO 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	8
IDELVION	49	INSULIN ASPART PENFILL SOCT 17		isosorbide dinitrate-hydralazine hcl PO	35
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	24	INSULIN ASPART PROT & ASPART SUSP	17	isosorbide mononitrate TABS PO ...	8
ifosfamide SOLR	24	INSULIN ASPART SOLN IJ	17	isosorbide mononitrate TB24 PO ...	8
imatinib mesylate PO	27	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	17	isotretinoin PO 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	39
IMBRUVICA CAPS 140 MG	27	INSULIN DEGLUDEC SOLN	17	isradipine CAPS PO	34
IMBRUVICA CAPS 70 MG	27	INTELENCE PO 25 MG	32	itraconazole CAPS PO	19
IMBRUVICA SUSP	27				
IMBRUVICA TABS	27				

itraconazole SOLN	19	ketorolac tromethamine (ophth) ...	60	KOSELUGO	27
ivabradine hcl TABS PO	35	ketorolac tromethamine TABS PO ..	4	KOVALTRY	49
ivermectin (pediculicide)	44	KETOSTIX STRP	44	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS PO	57
ivermectin PO	8	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 60		KRINTAFEL	23
IXEMPRA KIT 15 MG	29	KEVZARA SOAJ	3	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	53
JAKAFI	27	KEVZARA SOSY	3	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	53
JANSSEN COVID-19 VACCINE ..	67	KIMONO COLORS DEVI	52	KYPROLIS	27
JANUMET TABS PO	16	KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	52	labetalol hcl SOLN	33
JANUMET XR TB24 PO 1000 MG- 100 MG	16	KIMONO MICRO THIN PLUS MISC . 52		labetalol hcl TABS PO 100 MG, 200 MG	33
JANUMET XR TB24 PO 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	16	KIMONO MISC	53	labetalol hcl TABS PO 300 MG	33
JANUVIA PO	16	KIMONO PLUS MISC	52	lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML	12
JARDIANCE PO	17	KIMONO PS MISC	52	lacosamide TABS PO	12
JEVTANA	29	KIMONO PS PLUS MISC	52	lactated ringer's (irrigation)	57
JIVI	49	KIMONO PS PLUS MISC	52	lactated ringer's	55
JULUCA	32	KIMONO SENSATION MISC	53	lactic acid (ammonium lactate) CREA	43
JYNARQUE TBPK	47	KIMONO SENSATION PLUS MISC 53		lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	43
KALYDECO TABS	63	KIMONO SPECIAL DEVI	53	lactulose (encephalopathy) PO	48
KAMELEON LUBRICATED MISC .	52	KINRIX SUSY	64	lactulose SOLN PO	51
KANJINTI	25	KISQALI (200 MG DOSE)	27	LAMICTAL TABS PO 150 MG, 200 MG (lamotrigine)	12
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	55	KISQALI (400 MG DOSE)	27	lamivudine (hbv) TABS PO	33
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	55	KISQALI (600 MG DOSE)	27	lamivudine SOLN PO	32
KEPIVANCE 6.25 MG	29	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE) . 27		lamivudine TABS PO 150 MG	32
ketoconazole (topical) CREA	40	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE) . 27		lamivudine TABS PO 300 MG	32
ketoconazole (topical) SHAM 2 % .	40	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE) . 27		lamivudine-zidovudine PO	32
ketoconazole PO	19	KLOXXADO LIQD	17	lamotrigine CHEW PO 25 MG	12
KETONE TEST STRP	44	KOGENATE FS KIT	49		
ketoprofen CAPS PO 50 MG	4				

lamotrigine CHEW PO 5 MG 12	26	PO36
lamotrigine TABS PO 12	levobunolol hcl 59	levorphanol tartrate TABS PO 2 MG . 5
lamotrigine TBDP PO 12	levobunolol hcl 0.5 % 59	levothyroxine sodium TABS PO ... 64
LANOXIN SOLN IJ (digoxin) 34	levocetirizine dihydrochloride SOLN PO 19	LEXIVA SUSP PO 32
LANOXIN TABS PO 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin) 35	levocetirizine dihydrochloride TABS PO 19	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 % 52
lansoprazole CPDR PO 15 MG ... 65	levofloxacin (ophth) 0.5 % 59	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ... 57
lansoprazole CPDR PO 30 MG ... 65	levofloxacin in d5w 500 MG/100ML 48	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ... 57
lanthanum carbonate CHEW PO .. 48	levofloxacin SOLN PO 48	lidocaine hcl GEL 2 % 44
lapatinib ditosylate 27	levofloxacin TABS PO 250 MG, 750 MG 48	lidocaine hcl PRSY 44
LASTACRAFT 60	levofloxacin TABS PO 500 MG ... 48	lidocaine hcl SOLN 44
latanoprost SOLN 60	levonorgestrel & eth estradiol TABS PO 36	lidocaine PTCH 5 % 44
leflunomide PO 4	levonorgestrel (emergency oc) PO 1.5 MG 37	lidocaine-prilocaine CREA 44
LEMTRADA 63	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) PO 36	lincomycin hcl 23
lenalidomide PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG 56	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) PO 0.03 MG-0.15 MG 36	lindane SHAM 44
lenalidomide PO 20 MG 56	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) PO 36	linezolid SUSR 23
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) . 25	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron	linezolid TABS PO 23
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) . 25		LINZESS 48
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) . 25		liothyronine sodium SOLN 64
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) . 25		liothyronine sodium TABS PO 64
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) . 25		lisdexamfetamine dimesylate CAPS PO 1
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) . 25		lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) .. 25		lisinopril & hydrochlorothiazide PO 21
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) .. 25		lisinopril TABS PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG 20
letrozole PO 26		lithium carbonate CAPS PO 30
leucovorin calcium SOLR 29		lithium carbonate TABS PO 30
leucovorin calcium TABS PO 29		lithium carbonate TBCR PO 30
LEUKERAN PO 24		lithium PO 30
LEUKINE SOLR IJ 50		
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML		

LO LOESTRIN FE TABS	36	LUMIZYME	47	MEDROL TABS PO	38
lofexidine hcl	62	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	26	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	37
LOKELMA	57	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	26	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	37
loperamide hcl CAPS PO	17	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM ..	26	medroxyprogesterone acetate PO 10 MG	62
lopinavir-ritonavir SOLN PO	32	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM ..	26	medroxyprogesterone acetate PO 2.5 MG, 5 MG	61
lopinavir-ritonavir TABS PO	32	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) .	46	mefenamic acid CAPS PO	4
loratadine CAPS PO	19	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	46	mefloquine hcl PO	24
loratadine CHEW PO	19	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	46	megestrol acetate (appetite) PO ...	62
loratadine SOLN PO	19	lurasidone hcl PO 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	30	megestrol acetate SUSP PO	26
loratadine TABS PO	19	lurasidone hcl PO 80 MG	30	megestrol acetate TABS PO	26
loratadine TBDP PO	19	LYNPARZA TABS PO	27	MEKINIST TABS PO 0.5 MG	28
lorazepam CONC PO	8	LYSODREN PO	26	MEKINIST TABS PO 2 MG	28
lorazepam TABS PO 0.5 MG, 2 MG	8	mafenide acetate PACK	41	MEKTOVI	28
lorazepam TABS PO 1 MG	8	magnesium sulfate IJ 50 %	56	meloxicam TABS PO	4
LORBRENA	27	malathion	44	melphalan hcl IV	24
losartan potassium & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	21	maraviroc TABS PO 150 MG	32	melphalan PO	24
losartan potassium & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-50 MG	21	maraviroc TABS PO 300 MG	32	memantine hcl TABS PO	62
losartan potassium PO	21	MARPLAN PO	14	MENACTRA	66
LOTEMAX OINT	60	MASONATAL TABS PO	57	MENEST PO	47
loteprednol etabonate GEL	60	MATULANE PO	28	MENOSTAR PTWK	47
loteprednol etabonate SUSP	60	MAXIDEX SUSP OP	60	MENQUADFI	66
lovastatin TABS PO 10 MG, 20 MG 20		MAXX MISC	53	MENVEO SOLR	66
lovastatin TABS PO 40 MG	20	MAXX PLUS MISC	53	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5
loxapine succinate PO	30	meclizine hcl TABS PO 12.5 MG ..	18	meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML	5
lubiprostone PO	48	meclizine hcl TABS PO 25 MG	18	meperidine hcl TABS PO 50 MG ...	5
LUCEMYRA (lofexidine hcl)	62	meclofenamate sodium CAPS PO ..	4	meprobamate PO	8
luliconazole	40				

mercaptopurine TABS PO25	methoxsalen rapid PO 41	125 MG, 500 MG, 1000 MG 38
meropenem22	methscopolamine bromide PO 65	methylprednisolone TABS PO38
mesalamine CP24 48	methsuximide13	methylprednisolone TBPK PO38
mesalamine CPDR PO 48	methyldopa TABS PO 21	methyltestosterone TABS7
mesalamine ENEM PR 48	methylphenidate hcl CHEW PO 10 MG1	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML 48
mesalamine SUPP PR48	methylphenidate hcl CHEW PO 2.5 MG1	metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML 48
mesalamine TBEC PO 1.2 GM48	methylphenidate hcl CHEW PO 5 MG 1	metoclopramide hcl TABS PO48
mesalamine TBEC PO 800 MG ... 48	methylphenidate hcl CP24 PO 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG2	metolazone PO 45
metaxalone PO 800 MG58	methylphenidate hcl CP24 PO 30 MG2	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG-100 MG, 50 MG- 100 MG 21
metformin hcl TABS PO 1000 MG .16	methylphenidate hcl CP24 PO2	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG-50 MG 21
metformin hcl TABS PO 500 MG ..16	methylphenidate hcl CPR PO2	metoprolol succinate TB24 PO 200 MG 33
metformin hcl TABS PO 850 MG ..16	methylphenidate hcl SOLN PO 2	metoprolol succinate TB24 PO 25 MG, 50 MG, 100 MG 33
metformin hcl TB24 PO 500 MG ...16	methylphenidate hcl TABS PO 10 MG, 20 MG2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML33
metformin hcl TB24 PO 750 MG ...16	methylphenidate hcl TABS PO 5 MG 2	metoprolol tartrate TABS PO 25 MG, 50 MG, 100 MG34
methadone hcl CONC PO5	methylphenidate hcl TB24 PO 18 MG, 27 MG2	metronidazole (topical) CREA 44
METHADONE HCL SOLN IJ5	methylphenidate hcl TB24 PO 36 MG, 54 MG2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 44
methadone hcl SOLN PO5	methylphenidate hcl TBCR PO 10 MG, 20 MG2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..44
methadone hcl TABS PO 10 MG ... 5	methylphenidate hcl TBCR PO 18 MG, 27 MG2	metronidazole (topical) LOTN 44
methadone hcl TABS PO 5 MG5	methylphenidate hcl TBCR PO 36 MG, 54 MG2	metronidazole TABS PO22
methadone hcl TBSO PO5	methylphenidate PTCH 2	metronidazole vaginal68
methamphetamine hcl PO1	methylprednisolone acetate SUSP 38	mexiletine hcl PO8
methazolamide TABS PO45	methylprednisolone sod succ 40 MG,	micafungin sodium 18
methenamine hippurate PO 23		miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG 68
methimazole TABS PO 64		
methocarbamol TABS PO 500 MG, 750 MG58		
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML25		
methotrexate sodium SOLR25		
methotrexate sodium TABS PO 2.5 MG25		

midodrine hcl PO	69	SUSP	67	MVASI	25
miglitol PO	15	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	67	MYALEPT	47
miglustat	50	moexipril hcl PO	20	mycophenolate mofetil CAPS PO .	56
minocycline hcl CAPS PO	64	mometasone furoate (nasal) SUSP 59		mycophenolate mofetil TABS PO .	56
minocycline hcl TABS PO	64	mometasone furoate CREA	43	mycophenolate sodium PO	56
minoxidil PO 2.5 MG, 10 MG	22	mometasone furoate OINT	43	MYLERAN TABS PO	24
MIRCERA	50	mometasone furoate SOLN	43	nabumetone PO	4
mirtazapine TABS PO 15 MG	13	montelukast sodium CHEW PO	9	nadolol TABS PO 20 MG	34
mirtazapine TABS PO 30 MG	13	montelukast sodium PACK PO	9	nadolol TABS PO 40 MG	34
mirtazapine TABS PO 7.5 MG, 45 MG	13	montelukast sodium TABS PO	9	nadolol TABS PO 80 MG	34
mirtazapine TBDP PO 15 MG	14	morphine sulfate CP24 PO 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG	5	nafcillin sodium IV 10 GM	61
mirtazapine TBDP PO 30 MG	14	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML	5	naftifine hcl CREA 1 %	40
mirtazapine TBDP PO 45 MG	14	morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML	5	naftifine hcl CREA 2 %	40
misoprostol PO	65	morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML	5	nalbuphine hcl	7
mitomycin SOLR IV 20 MG	27	morphine sulfate TABS PO	6	naloxone hcl LIQD	18
mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML ..	27	morphine sulfate TBCR PO	6	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML	18
M-M-R II SOLR	67	MOTOFEN PO	17	naltrexone hcl PO	18
M-NATAL PLUS TABS PO	57	MOVANTIK PO	48	naproxen sodium TABS PO 550 MG . 4	
modafinil PO 100 MG	2	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	59	naproxen SUSP PO	4
modafinil PO 200 MG	2	moxifloxacin hcl in sodium chloride 48		naproxen TABS PO	4
MODERNA COVID-19 BIVAL 6M-5Y	67	moxifloxacin hcl TABS PO	48	naproxen TBEC PO 500 MG	4
MODERNA COVID-19 BIVALENT 67		MULPLETA	50	naratriptan hcl PO	54
MODERNA COVID-19 VAC (BOOSTER) SUSP	67	MULTI PRENATAL TABS PO	57	NATACYN	59
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	67	mupirocin calcium (topical)	39	NATAZIA	36
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	67	mupirocin OINT	39	nateglinide PO	17
MODERNA COVID-19 VACC 6M-5Y				NAYZILAM	12

NEBUSAL NEBU	38	niacin (antihyperlipidemic) TBCR PO 20	nitrofurantoin macrocrystal PO 50 MG, 100 MG	23	
nefazodone hcl PO	15	niacin CPCR PO 250 MG, 500 MG 69	nitrofurantoin monohyd macro PO .23		
nelarabine	25	NIACIN ER TBCR PO	69	nitrofurantoin PO	23
neomycin sulfate TABS PO	2	niacin TABS PO	69	nitroglycerin (intra-anal) PR	7
neomycin-bacitracin zn-polymyxin	59	niacin TBCR PO	69	nitroglycerin CPCR PO	8
neomycin-polymy-dexameth OINT	60	niacinamide TABS PO 100 MG ...	69	nitroglycerin PT24	8
neomycin-polymy-dexameth SUSP	60	niacinamide TABS PO 500 MG ...	69	NITROGLYCERIN SOLN IV	8
60		nicardipine hcl CAPS PO	34	nitroglycerin SUBL	8
neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	60	nicardipine hcl SOLN	34	NIVA-PLUS TABS PO	58
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	61	NICOTINE KIT	63	nizatidine CAPS PO	65
61		nicotine polacrilex GUM	63	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30	
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	61	nicotine polacrilex LOZG	63	MG/3ML	46
61		nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14	63	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5	
NEONATAL COMPLETE TABS PO		MG/24HR, 21 MG/24HR	63	MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15	
120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-		NICOTROL INHA	63	MG/1.5ML	46
10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20		NICOTROL NS SOLN	63	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	37
MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-		nifedipine CAPS PO 10 MG	34	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	36
2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG ...	57	nifedipine CAPS PO 20 MG	34	norethin acet & estrad-fe CHEW PO .	36
NEONATAL PLUS TABS PO	57	nifedipine TB24 PO 60 MG	34	36	
NEONATAL PRENATAL TABS PO		nifedipine TB24 PO 90 MG	34	norethin acet & estrad-fe TABS PO 1	
57		nifedipine TB24 PO	34	MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30	
NEONATAL VITAMIN TABS PO ..	57	nilutamide PO	26	MCG-75 MG	37
neostigmine methylsulfate SOSY .	24	nimodipine CAPS PO	34	norethindrone & eth estradiol PO ..	37
NEO-SYNALAR	39	NINLARO	28	norethindrone & ethinyl estradiol-fe	
NEUPRO	29	NIPENT	28	PO	37
NEVANAC	60	nisoldipine PO	34	norethindrone (contraceptive) PO .	37
nevirapine SUSP PO	32	nitazoxanide TABS PO	22	norethindrone acet & eth estra TABS	
nevirapine TABS PO	32	nitisinone CAPS PO	47	PO	37
nevirapine TB24 PO 100 MG	32	NITRO-BID OINT	8	norethindrone acetate TABS PO ..	62
nevirapine TB24 PO 400 MG	32			norethindrone acetate-ethinyl	
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole				estradiol PO	47
magnesium)	65			norethindrone acetate-ethinyl	
NEXTSTELLIS	36			estradiol-fe PO	37

norethindrone-eth estradiol (triphasic) PO	37	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	9	olopatadine hcl (nasal)	58
norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic) PO	37	NUEDEXTA	63	olopatadine hcl 0.1 %	60
norgestimate-ethinyl estradiol PO	37	NULOJIX	56	olopatadine hcl 0.2 %	60
norgestrel & ethinyl estradiol PO 30 MCG-0.3 MG	37	nystatin (mouth-throat)	57	omega-3-acid ethyl esters PO	19
NORMOSOL-M IN D5W	55	nystatin (topical) CREA	40	omeprazole CPDR PO	65
NORMOSOL-R PH 7.4	55	nystatin (topical) OINT	40	omeprazole magnesium CPDR PO 65	
nortriptyline hcl CAPS PO	15	nystatin (topical) POWD EX	40	omeprazole TBEC PO	65
nortriptyline hcl SOLN PO	15	nystatin TABS PO	19	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS PO 1100 MG-20 MG	65
NORVIR CAPS PO	32	nystatin-triamcinolone CREA	40	OMNIFLEX DIAPHRAGM	53
NORVIR PACK	32	nystatin-triamcinolone OINT	40	ONCASPAR	28
NORVIR SOLN	32	NYVEPRIA	50	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 18	
NOVA MAX PLUS KETONE TEST 44		octreotide acetate SOLN	47	ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML	18
NOVAREL IM 10000 UNIT	46	ODEFSEY	32	ondansetron hcl SOSY	18
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	67	ODOMZO PO	25	ondansetron hcl TABS PO 24 MG .18	
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	67	OFEV	63	ondansetron hcl TABS PO 4 MG .. 18	
NOVOEIGHT	49	ofloxacin (ophth)	59	ondansetron hcl TABS PO 8 MG .. 18	
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN 17		ofloxacin (otic)	60	ondansetron TBDP PO 4 MG	18
NOVOLIN 70/30 SUSP	17	ofloxacin PO 300 MG, 400 MG	48	ondansetron TBDP PO 8 MG	18
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	17	OGIVRI	25	ONE VITE WOMENS PLUS TABS PO	58
NOVOLIN N SUSP	17	olanzapine SOLR	30	ONE VITE WOMENS TABS PO ...	58
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ .. 17		olanzapine TABS PO 2.5 MG, 5 MG . 30		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	54
NOVOLIN R SOLN IJ	17	olanzapine TABS PO 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	30	OPILL PO	37
NP THYROID TABS PO	64	olanzapine TBDP PO 20 MG	30	OPSUMIT	35
NUCALA SOAJ	9	olanzapine TBDP PO 5 MG, 10 MG, 15 MG	31	ORENITRAM TBCR	35
NUCALA SOLR	9	olmesartan medoxomil PO	21	ORGOVYX	26
NUCALA SOSY 100 MG/ML	9	olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide PO	21	ORLISSA	46

ORKAMBI PACK	63	oxycodone w/ acetaminophen TABS PO 325 MG-2.5 MG	7	paroxetine hcl TABS PO 40 MG ...	14
ORKAMBI TABS	63	oxymorphone hcl TABS PO	6	paroxetine hcl TB24 PO 12.5 MG .	14
ORLADEYO	50	oxymorphone hcl TB12 PO 40 MG .	6	paroxetine hcl TB24 PO 25 MG, 37.5 MG	14
orphenadrine citrate TB12 PO	58	oxymorphone hcl TB12 PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	6	pazopanib hcl	28
oseltamivir phosphate CAPS PO ..	33	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	16	PEDIARIX SUSY	64
oseltamivir phosphate SUSR PO ..	33	OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	16	pediatric multivitamins w/fl CHEW PO	57
OSMOPREP PO	51	OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ...	16	PEDVAX HIB SUSP	66
OSPHENA PO	46	paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	29	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid PO	51
OTEZLA TABS PO	4	paclitaxel protein-bound particles .	29	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR PO 236 GM	51
OTEZLA TBPK PO	4	paliperidone PO 1.5 MG, 3 MG, 9 MG	30	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride PO	51
oxacillin sodium IV 10 GM	61	paliperidone PO 6 MG	30	PEGASYS SOLN	33
oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	24	palonosetron hcl SOLN	18	PEGASYS SOSY	33
oxandrolone PO	7	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	46	PEMAZYRE	28
oxaprozin TABS PO	4	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 46		pemetrexed disodium SOLR 500 MG 25	
oxazepam CAPS PO	8	PANRETIN	40	penciclovir	41
oxcarbazepine SUSP PO	12	pantoprazole sodium TBEC PO 20 MG	65	penicillamine CAPS PO	56
oxcarbazepine TABS PO 150 MG, 300 MG	12	pantoprazole sodium TBEC PO 40 MG	65	penicillamine TABS PO	56
oxcarbazepine TABS PO 600 MG .	12	paricalcitol CAPS PO	47	PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .	61
oxiconazole nitrate CREA	40	paricalcitol SOLN	47	penicillin g potassium 5000000 UNIT 61	
OXISTAT LOTN	40	paroxetine hcl SUSP PO	14	PENICILLIN G PROCAINE	61
oxybutynin chloride SOLN	65	paroxetine hcl TABS PO 10 MG ...	14	penicillin g sodium	61
oxybutynin chloride TABS PO 5 MG . 65		paroxetine hcl TABS PO 20 MG ...	14	penicillin v potassium SOLR PO ...	61
oxybutynin chloride TB24 PO	65	paroxetine hcl TABS PO 30 MG ...	14	penicillin v potassium TABS PO ...	61
oxycodone hcl T12A PO 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6			PENTACEL	64
oxycodone hcl TABS PO	6				
oxycodone w/ acetaminophen TABS PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7				

pentazocine w/ naloxone hcl PO	7	phentermine hcl CAPS PO	1	PLEGRIDY SOAJ	63
pentoxifylline PO	50	phenytoin CHEW PO	13	PLEGRIDY SOSY SC	63
perindopril erbumine PO 2 MG, 8 MG	20	phenytoin sodium extended PO 100 MG, 200 MG, 300 MG	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	63
perindopril erbumine PO 4 MG	20	phenytoin sodium SOLN	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	63
PERJETA	25	phenytoin SUSP PO	13	plerixafor	51
permethrin CREA	44	PHEXXI	68	PNEUMOVAX 23 SOLN	66
permethrin LIQD EX	44	PHOTOFRIN	29	PNEUMOVAX 23 SOSY	66
perphenazine TABS PO	31	PIFELTRO	32	podofilox SOLN	44
perphenazine-amitriptyline PO	62	pilocarpine hcl (oral) PO	57	polymyxin b sulfate SOLR	23
PERSERIS PRSY	30	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %	59	polymyxin b-trimethoprim	59
PFIZER COVID-19 BIVAL 6MO-4YR	67	pimecrolimus	43	POMALYST	26
PFIZER COVID-19 VAC BIVAL 5-11	67	pimozide PO	63	posaconazole SUSP	19
PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	67	pindolol TABS PO	34	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML	56
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	67	pioglitazone hcl PO	17	potassium bicarbonate TBEP PO	56
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	68	pioglitazone hcl-glimepiride	16	potassium chloride CPCR PO	56
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	68	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS PO	16	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	55
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	68	piperacillin sodium-tazobactam sodium	61	potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L	55
PHEBURANE PLLT	47	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	28	POTASSIUM CHLORIDE IN NACL 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	55
phenazopyridine hcl TABS PO 100 MG, 200 MG	49	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	28	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	55
phendimetrazine tartrate TABS PO	1	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	28	potassium chloride	
phenelzine sulfate PO	14	pirfenidone CAPS	63		
phenobarbital ELIX PO	51	pirfenidone TABS PO 267 MG, 801 MG	63		
phenobarbital TABS PO	51	pirfenidone TABS PO 534 MG	63		
phenoxybenzamine hcl PO	21	piroxicam CAPS PO	4		
		PLASMA-LYTE 148 (electrolyte-148)	55		
		PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	55		

microencapsulated crystals er PO .56	10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25	MINERAL TABS PO 58
potassium chloride PACK PO 20	MG/5ML38	PRENATAL VITAMIN TABS PO ... 58
MEQ56	prednisolone sodium phosphate	PRENATAL VITAMINS TABS PO
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV	TBDP PO38	100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-
10 MEQ/50ML (potassium chloride)	prednisolone SOLN 38	2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95
56	prednisolone TABS PO38	MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200
potassium chloride SOLN IV 2	prednisone SOLN PO38	MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800
MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20	prednisone TABS PO 1 MG, 5 MG 38	MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20
MEQ/50ML56	prednisone TABS PO 2.5 MG, 10	MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-
potassium chloride TBCR PO 8	MG, 20 MG, 50 MG38	4000 UNIT-30 UNIT 58
MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ 56	prednisone TBPK PO 38	PRENATAL/IRON TABS PO 120
potassium citrate (alkalinizer) TBCR	pregabalin (once-daily) 330 MG ... 63	MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8
PO49	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165	MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200
potassium phosphates 45	MG 63	MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30
MMOLE/15ML56	pregabalin CAPS PO 225 MG, 300	UNIT 58
PR BENZOYL PEROXIDE WASH	MG 13	PRENATRIX TABS PO 58
LIQD39	pregabalin CAPS PO 25 MG, 50 MG,	PRENATRYL TABS PO 58
pralatrexate 20 MG/ML 25	75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG	PREVNAR 13 66
pramipexole dihydrochloride TABS	12	PREVNAR 20 66
PO 0.125 MG 30	pregabalin SOLN13	PREZCOBIX 32
pramipexole dihydrochloride TABS	PREHEVBRIO68	PREZISTA SUSP32
PO 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1	PREMARIN68	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG 32
MG, 1.5 MG30	PREMARIN SOLR47	PRIFTIN PO 24
prasugrel hcl PO 50	PREMARIN TABS PO 47	primaquine phosphate TABS PO ..24
pravastatin sodium PO20	PREMPHASE PO47	primidone PO 50 MG, 250 MG 13
praziquantel PO8	PREMPRO PO47	PRIORIX SUSR68
prazosin hcl CAPS PO21	PRENATAL ONE DAILY TABS PO	probenecid PO49
PRECISION XTRA KETONE 44	58	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML .
PRED MILD 60	PRENATAL PLUS TABS PO 58	8
prednicarbate OINT43	PRENATAL PLUS	prochlorperazine maleate TABS PO .
prednisolone acetate (ophth)60	VITAMIN/MINERAL TABS PO58	31
PREDNISOLONE SODIUM	PRENATAL TABS PO 58	prochlorperazine PR31
PHOSPHATE60	PRENATAL VITAMIN AND	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000
prednisolone sodium phosphate		UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000
SOLN PO 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML,		UNIT/ML, 20000 UNIT/ML50

PROCRIT 40000 UNIT/ML	50	pyridostigmine bromide SOLN PO	24	ramelteon PO	51
progesterone CAPS PO	62	pyridostigmine bromide TABS PO	60	ramipril CAPS PO	20
PROGRAF PACK	56	MG	24	ranolazine TB12 PO 1000 MG	8
PROGRAF SOLN	56	pyridostigmine bromide TBCR PO	24	ranolazine TB12 PO 500 MG	8
PROLASTIN-C SOLN	63	pyrimethamine PO	24	rasagiline mesylate PO	30
PROLASTIN-C SOLR	63	QC PRENATAL TABS PO	58	REALITY LATEX CONDOMS MISC .	53
PROLEUKIN	29	QINLOCK	28	REALITY LATEX/ULTRA	
PROLIA SOSY	46	QUADRACEL SUSP	64	TEXTURED DEVI	53
PROMACTA PACK	50	QUADRACEL SUSY	64	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	53
PROMACTA TABS PO	50	quetiapine fumarate TABS PO 25			
promethazine hcl SOLN PO 6.25		MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	31	REBIF REBIDOSE SOAJ	63
MG/5ML	19	quetiapine fumarate TABS PO 300		REBIF REBIDOSE TITRATION	
promethazine hcl SUPP PR 12.5 MG,		MG, 400 MG	31	PACK SOAJ	63
25 MG	19	quetiapine fumarate TB24 PO 300		REBIF SOSY	63
promethazine hcl SUPP PR 50 MG		MG, 400 MG	31	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	63
19		quetiapine fumarate TB24 PO 50		RECOMBIVAX HB SUSP	68
promethazine hcl TABS PO	19	MG, 150 MG, 200 MG	31	RECOMBIVAX HB SUSY	68
propafenone hcl CP12 PO	8	quinapril hcl PO 20 MG, 40 MG ...	20	REGRANEX	44
propafenone hcl TABS PO	8	quinapril hcl PO 5 MG, 10 MG	20	RELENZA DISKHALER	33
proparacaine hcl	60	quinapril-hydrochlorothiazide PO		RELION KETONE TEST STRP ...	44
propranolol hcl CP24 PO	34	12.5 MG-10 MG	22	RELION LANCET DEVICES 30G .	54
propranolol hcl SOLN PO 20		quinapril-hydrochlorothiazide PO		RELION LANCETS	54
MG/5ML, 40 MG/5ML	34	12.5 MG-20 MG	22	RELION TRUE METRIX TEST	
propranolol hcl TABS PO	34	quinapril-hydrochlorothiazide PO 25		STRIPS STRP	44
propylthiouracil PO	64	MG-20 MG	22	RENFLEXIS	48
PROQUAD SUSR	68	quinidine sulfate TABS PO	8	repaglinide PO 0.5 MG, 1 MG	17
protriptyline hcl PO	15	quinine sulfate CAPS PO 324 MG .	24	repaglinide PO 2 MG	17
PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	QVAR REDHALER	10	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM	
PULMOZYME	63	RA PRENATAL FORMULA TABS		SOCT	20
PX PRENATAL MULTIVITAMINS		PO	58	REPATHA SOSY	20
TABS PO	58	RA PRENATAL TABS PO	58	REPATHA SURECLICK SOAJ	20
pyrazinamide PO	24	rabeprazole sodium TBEC PO	65		
Index 27		raloxifene hcl PO	46		

RETACRIT	50	rizatriptan benzoate TABS PO 10 MG	62
RETEVMO CAPS	28	54
RETROVIR SOLN	32	rizatriptan benzoate TABS PO 5 MG .	
REXULTI	31	54	
REZVOGLAR KWIKPEN	17	rizatriptan benzoate TBDP PO 10	
ribavirin (hepatitis c) CAPS PO	33	MG	55
ribavirin (hepatitis c) TABS PO 200		rizatriptan benzoate TBDP PO 5 MG .	
MG	33	55	
RIDAURA PO	3	roflumilast PO	9
rifabutin PO	24	romidepsin SOLR	28
rifampin CAPS PO	24	ropinirole hydrochloride TABS PO	30
rifampin SOLR	24	ropinirole hydrochloride TB24 PO 2	
riluzole TABS PO	59	MG, 4 MG, 6 MG	30
rimantadine hydrochloride TABS PO .	33	ropinirole hydrochloride TB24 PO 8	
ringer's	56	MG, 12 MG	30
ringer's irrigation	57	rosuvastatin calcium TABS PO	20
RINVOQ LQ SOLN	2	ROTARIX SUSP	68
RINVOQ TB24 PO	2	ROTARIX SUSR PO	68
risedronate sodium TABS PO 150		ROTATEQ SOLN PO	68
MG	46	ROZLYTREK CAPS	28
risedronate sodium TABS PO 35 MG		RUBRACA	28
46		rufinamide SUSP	13
risedronate sodium TABS PO 5 MG,		rufinamide TABS PO 200 MG	13
30 MG	46	rufinamide TABS PO 400 MG	13
risedronate sodium TBEC PO	46	RUXIENCE	25
risperidone microspheres	30	RYBELSUS TABS PO	16
risperidone SOLN PO	30	salsalate PO	5
risperidone TABS PO	30	SANTYL OINT	43
risperidone TBDP PO	30	sapropterin dihydrochloride PACK	47
ritonavir TABS PO	32	sapropterin dihydrochloride TABS	47
rivastigmine tartrate CAPS PO	62	SAVELLA TABS PO	62
		SAVELLA TITRATION PACK MISC	
		saxagliptin hcl PO	16
		saxagliptin-metformin hcl PO 1000	
		MG-2.5 MG	16
		saxagliptin-metformin hcl PO 1000	
		MG-5 MG, 500 MG-5 MG	16
		SCEMBLIX 100 MG	28
		SCEMBLIX 20 MG, 40 MG	28
		scopolamine	18
		SELECT INSULIN SYRINGES	54
		SELECT LANCETS	54
		selegiline hcl CAPS PO	30
		selegiline hcl TABS PO	30
		selenium sulfide LOTN 2.5 %	41
		SELZENTRY SOLN	32
		SELZENTRY TABS PO 25 MG, 75	
		MG	32
		SEMGLEE (YFGN) SOLN	17
		SEMGLEE (YFGN) SOPN	17
		SEREVENT DISKUS	10
		sertraline hcl CONC PO	14
		sertraline hcl TABS PO 100 MG ...	14
		sertraline hcl TABS PO 25 MG, 50	
		MG	15
		sevelamer carbonate PACK	48
		sevelamer carbonate TABS PO ...	48
		SHINGRIX	68
		SHUR-SEAL CONTRACEPTIVE	
		GEL	68
		SIGNIFOR	47
		sildenafil citrate (pulmonary	
		hypertension) SOLN	35

sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	35	sodium phenylbutyrate TABS PO ..	47	PO	45
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS PO	35	sodium polystyrene sulfonate POWD PO	57	spironolactone TABS PO	45
sildenafil citrate PO	35	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	57	SPRAVATO (56 MG DOSE)	14
silodosin PO	49	sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate	51	SPRAVATO (84 MG DOSE)	14
silver sulfadiazine	41	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	33	SPRYCEL (dasatinib)	28
SIMPONI ARIA SOLN	3	solifenacin succinate TABS PO ...	65	stavudine CAPS PO	32
SIMULECT	56	SOLQUA	16	STELARA 130 MG/26ML	48
simvastatin TABS PO	20	SOLOSEC	2	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	41
sirolimus TABS PO	56	SOLU-CORTEF (hydrocortisone sod succinate)	38	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	41
SIRTURO	24	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	38	STELARA SOSY 90 MG/ML	41
SIVEXTRO TABS	23	SOLU-CORTEF 250 MG	38	STENDRA PO 50 MG, 100 MG, 200 MG (avanafil)	35
SKYRIZI (150 MG DOSE) PSKT ..	41	SOLU-MEDROL 2 GM	38	STIOLTO RESPIMAT	10
SKYRIZI PEN SOAJ	41	sorafenib tosylate PO	28	STIVARGA	28
SKYRIZI SOCT	48	SORBITOL 3 %	49	STRENSIQ	47
SKYRIZI SOLN	48	SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	49	streptomycin sulfate SOLR	2
SKYRIZI SOSY	41	sotalol hcl (afib/afi) PO	34	STRIBILD	32
SLYND PO	37	sotalol hcl TABS PO 240 MG	34	STRIVERDI RESPIMAT	10
SM PRENATAL VITAMINS TABS PO	58	sotalol hcl TABS PO 80 MG, 120 MG, 160 MG	34	SUBLOCADE SOSY	7
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	55	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	68	SUBSYS LIQD 100 MCG	6
sodium acetate SOLN	55	SPIKEVAX SUSP	68	SUBSYS LIQD 1200 MCG, 1600 MCG, 800 MCG	6
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	49	SPIKEVAX SUSY	68	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	6
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	38	spinosad	44	sucralfate SUSP PO	65
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	56	SPIRIVA RESPIMAT AERS	9	sucralfate TABS PO	65
sodium citrate & citric acid PO	49	spironolactone & hydrochlorothiazide		sulconazole nitrate CREA	40
sodium fluoride CHEW PO	56			sulconazole nitrate SOLN	40
sodium phenylbutyrate POWD PO 47				sulfacetamide sodium (acne)	39
				sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .	

59	SYNERA PTCH	44	TDVAX SUSP	64
sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	SYNJARDY TABS	16	TEFLARO	36
39	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	16	TEGRETOL SUSP PO (carbamazepine)	13
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	39	16	TEGRETOL TABS PO (carbamazepine)	13
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	39	16	telmisartan PO	21
sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	39	29	telmisartan-amlodipine PO	22
sulfadiazine TABS PO	63	29	telmisartan-hydrochlorothiazide PO 22	
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	22	29	temazepam PO 15 MG, 30 MG ...	51
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP PO	22	28	temazepam PO 7.5 MG, 22.5 MG .	51
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS PO	22	44	TEMODAR SOLR	24
SULFAMYLON CREA	41	57	temozolomide CAPS PO	24
sulfasalazine TABS PO	48	35	temsirolimus	28
sulfasalazine TBEC PO	48	35	TENIVAC INJ	64
sulindac TABS PO	4	28	tenofovir disoproxil fumarate TABS PO	32
sumatriptan	55	60	terazosin hcl PO	21
sumatriptan succinate SOAJ	55	25	terbinafine hcl TABS PO	19
sumatriptan succinate SOCT	55	25	terbutaline sulfate SOLN	10
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	55	50	terbutaline sulfate TABS PO	10
sumatriptan succinate TABS PO ..	55	50	terconazole vaginal CREA	68
sumatriptan-naproxen sodium PO .	54	28	terconazole vaginal SUPP	68
sunitinib malate PO 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	28	49	teriflunomide PO	63
sunitinib malate PO 37.5 MG	28	49	teriparatide SOPN	46
SUNOSI PO 150 MG	1	28	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7
SUNOSI PO 75 MG	1	28	testosterone cypionate SOLN IM ...	7
SYNAREL	46	40	testosterone enanthate SOLN IM ...	7
		50	TETANUS-DIPHThERIA TOXOIDS TD SUSP	64
		41		
		28		

tetrabenazine PO	62	tobramycin (ophth) SOLN	59	MG-2 MG, 240 MG-1 MG	22
tetracycline hcl CAPS PO	64	tobramycin NEBU	2	trandolapril-verapamil hcl PO 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	22
THALOMID PO	56	tobramycin sulfate SOLN IJ 2 GM/50ML, 10 MG/ML, 80 MG/2ML .	2	tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	51
theophylline ELIX PO	10	tobramycin-dexamethasone SUSP 60		tranexamic acid TABS PO	51
theophylline SOLN PO	10	TODAY SPONGE MISC	68	tranylcypromine sulfate PO	14
theophylline TB12 PO	10	tolcapone PO	29	travoprost SOLN	60
theophylline TB24 PO	10	tolmetin sodium CAPS PO	4	TRAZIMERA	25
THERANATAL CORE NUTRITION TABS PO	58	tolmetin sodium TABS PO 600 MG .	4	trazodone hcl TABS PO	15
THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin)	49	TOLSURA CAPS PO	19	TRECTOR PO	24
THIOLA EC TBEC 300 MG (tiopronin)	49	tolterodine tartrate CP24 PO	65	TRELEGY ELLIPTA	10
thioridazine hcl PO	31	tolterodine tartrate TABS PO	65	TRELSTAR MIXJECT	26
thiotepa 15 MG	24	tolvaptan TABS	47	TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	41
thiothixene PO	31	topiramate CPSP PO 15 MG	13	TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	41
THYMOGLOBULIN	57	topiramate CPSP PO 25 MG	13	TREMFYA SOLN	41
THYROGEN 0.9 MG	44	topiramate CS24 PO	13	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	41
tiagabine hcl PO	13	topiramate TABS PO 200 MG	13	TREMFYA SOSY 200 MG/2ML ...	41
TIBSOVO	28	topiramate TABS PO 25 MG, 100 MG	13	treprostinil SOLN IJ	35
tigecycline	64	topiramate TABS PO 50 MG	13	tretinoin (chemotherapy) PO	29
timolol maleate (ophth) SOLG	59	topotecan hcl SOLR	29	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	39
timolol maleate (ophth) SOLN	59	toremifene citrate PO	26	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	39
timolol maleate TABS PO	34	torsemide TABS PO	45	tretinoin microsphere 0.1 %	39
tiopronin TBEC 100 MG	49	TRACLEER TBSO	35	TREXALL TABS PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	25
tiopronin TBEC 300 MG	49	tramadol hcl TABS PO 50 MG	6	triamcinolone acetonide (mouth) ..	57
tiotropium bromide monohydrate CAPS	9	tramadol hcl TB24 PO	6	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	59
TIVICAY TABS	32	tramadol-acetaminophen PO	7	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	43
tizanidine hcl CAPS PO	58	trandolapril PO 1 MG, 2 MG	21	triamcinolone acetonide (topical)	
tizanidine hcl TABS PO	58	trandolapril PO 4 MG	21		
		trandolapril-verapamil hcl PO 180			

CREA 0.1 %	43	TRINTELLIX PO	15	TRUSTEX LUBRICATED MISC	53
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	43	TRIUMEQ TABS	32	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	53
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	43	TRIZIVIR PO	32	TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	53
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	43	TROJAN MAGNUM MISC	53	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	53
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	43	TROJAN ULTRA THIN MISC	53	TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	53
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	43	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	53	TRUSTEX-NONOXYNOL- 9/RIB/STUD MISC	53
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML	38	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	53	TRUXIMA	25
triamterene & hydrochlorothiazide CAPS PO 25 MG-37.5 MG	45	TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	53	TUKYSA	25
triamterene & hydrochlorothiazide TABS PO	45	tropicamide SOLN 0.5 %	59	TURALIO PO	28
triamterene CAPS PO	45	tropicamide SOLN 1 %	59	TUZISTRA XR PO	38
triazolam PO	51	trospium chloride CP24 PO	65	TWINRIX SUSY	68
TRICARE TABS PO	58	trospium chloride TABS PO	66	TWIRLA	37
trientine hcl PO 250 MG	56	TRUE COVER DEVI	53	TYBLUME CHEW	37
trifluoperazine hcl TABS PO	31	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	44	TYBOST	32
trifluridine	60	TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	54	TYMLOS	46
trihexyphenidyl hcl SOLN	29	TRULICITY	16	TYVASO REFILL KIT SOLN IN	35
trihexyphenidyl hcl TABS PO	29	TRUMENBA	66	TYVASO SOLN IN	35
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	16	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	53	TYVASO STARTER KIT SOLN IN	35
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	16	TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC	53	UBRELVY PO	54
TRIKAFTA TBPK	63	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	53	UDENYCA ONBODY SOSY	51
trimethobenzamide hcl CAPS PO	18	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	53	UDENYCA SOAJ	51
trimethoprim TABS PO	22	TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	53	UDENYCA SOSY	51
trimipramine maleate CAPS PO	15	TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	53	UPTRAVI TABS 200 MCG	35
				UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	35
				UPTRAVI TITRATION TBPK	35

ursodiol CAPS PO	48	venlafaxine hcl CP24 PO 37.5 MG 15	VITRAKVI CAPS PO	28
ursodiol TABS PO	48	venlafaxine hcl CP24 PO 75 MG .. 15	VITRAKVI SOLN	28
UVADEX	29	venlafaxine hcl TABS PO	VIVITROL	18
valacyclovir hcl PO 1 GM	33	venlafaxine hcl TB24 PO 150 MG . 15	VIZIMPRO	25
valacyclovir hcl PO 500 MG	33	venlafaxine hcl TB24 PO 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	VORAXAZE	29
valganciclovir hcl TABS PO	32	verapamil hcl CP24 PO 100 MG, 200 MG, 300 MG	voriconazole TABS PO	19
valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	13	verapamil hcl CP24 PO 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	VOSEVI	33
valproic acid CAPS PO	13	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	VYNDAMAX	35
valrubicin	27	verapamil hcl TABS PO	VYNDAQEL	35
valsartan TABS PO	21	verapamil hcl TBCR PO	warfarin sodium TABS PO	11
valsartan-hydrochlorothiazide PO .	22	VEREGEN	water for irrigation, sterile	57
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	12	VERZENIO	WESTAB PLUS TABS PO	58
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...	12	VICTOZA (liraglutide)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	53
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...	12	vigabatrin PACK	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	53
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	12	vigabatrin TABS	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	53
vancomycin hcl CAPS PO	22	VIIBRYD STARTER PACK KIT PO 15	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	53
vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG	22	vilazodone hcl TABS	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	53
vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .	23	vincristine sulfate	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	53
VAQTA	68	vinorelbine tartrate 10 MG/ML	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	53
varenicline tartrate TABS PO	63	VIRACEPT TABS PO 250 MG	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	53
varenicline tartrate TBPK	63	VIRACEPT TABS PO 625 MG	XALKORI CAPS	28
VARIVAX SUSR	68	VIREAD POWD	XARELTO STARTER PACK TBPK 11	
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK PO . 18		VIREAD TABS PO 150 MG, 200 MG, 250 MG	XARELTO SUSR	11
VAXNEUVANCE	66	VISTOGARD	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11
VECAMYL PO	22	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	11
VECTIBIX 100 MG/5ML	25	VITATHELY WITH GINGER TABS PO	XELJANZ SOLN	2
venlafaxine hcl CP24 PO 150 MG .	15		XELJANZ TABS 10 MG	2
			XELJANZ TABS 5 MG	2
			XELJANZ XR TB24 PO	2

XGEVA SOLN	46	XTANDI TABS 80 MG	26	zidovudine CAPS PO	32
XHANCE EXHU	59	XULTOPHY	16	zidovudine SYRP PO	32
XIFAXAN PO 200 MG	22	XYNTHA	49	zidovudine TABS PO	32
XIFAXAN PO 550 MG	22	XYNTHA SOLOFUSE	49	zileuton TB12 PO	9
XIGDUO XR PO (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	16	YERVOY	25	ziprasidone hcl PO	30
XIGDUO XR PO 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	16	YONSA	26	ZIRABEV	25
XIGDUO XR PO 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	16	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	3	ZIRGAN GEL	60
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	3	ZOLADEX 10.8 MG	26
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	9	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	3	ZOLADEX 3.6 MG	26
XOLAIR SOLR	9	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	3	zoledronic acid CONC	46
XOLAIR SOSY 150 MG/ML	9	zafirlukast PO	9	zoledronic acid SOLN	46
XOLAIR SOSY 300 MG/2ML	9	zaleplon PO 10 MG	51	ZOLINZA	28
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	9	zaleplon PO 5 MG	51	zolmitriptan SOLN	55
XOSPATA	28	ZALTRAP 100 MG/4ML	25	zolmitriptan TABS PO	55
XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) PO 50 MG	26	ZANOSAR	24	zolmitriptan TBDP PO	55
XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY) PO 40 MG	26	ZARONTIN CAPS PO (ethosuximide)	13	zolpidem tartrate TABS PO	51
XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) PO 40 MG	26	ZARXIO	51	zolpidem tartrate TBCR PO	51
XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) PO 60 MG	26	ZEJULA CAPS PO	28	zonisamide CAPS PO	13
XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY) PO	26	ZEJULA TABS 100 MG	28	ZONTIVITY PO	50
XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) PO 40 MG	26	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	28	ZORBTIVE SC	46
XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) PO	26	ZELBORAF PO	28	ZUBSOLV SUBL	7
XTANDI CAPS	26	ZENPEP CPEP PO 105000 UNIT- 79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT- 10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT- 63000 UNIT-20000 UNIT	45	ZYDELIG	28
XTANDI TABS 40 MG	26	ZENPEP CPEP PO 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	45		

Ambetter from Arkansas Health & Wellness được bảo lãnh bởi Celtic Insurance Company (có tên thương mại là Arkansas Health and Wellness Insurance Company), QCA Health Plan, Inc., và QualChoice Life & Health Insurance Company, Inc. Đây là những công ty phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện tại Thị Trường Bảo Hiểm Sức Khỏe Arkansas. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2024 Celtic Insurance Company (có tên thương mại là Arkansas Health and Wellness Insurance Company), QCA Health Plan, Inc., và QualChoice Life & Health Insurance Company, Inc., Ambetter.ARhealthwellness.com. Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter from Arkansas Health & Wellness mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.